

# PHẬT TỔ LỊCH ĐẠI THÔNG TÀI

## QUYỂN 7

### 1. Đông Tấn Vũ Đế: (Quý Dậu)

Hiếu Vũ Đế tên là Diệu, tự là Xương Minh, con thứ ba của Giản Văn Đế. Lên ngôi năm mười tuổi, đổi niên hiệu là Ninh Khương. Bấy giờ thái hậu Sùng Đức lâm triều bố chánh. Tháng hai Hoàn Ôn đem binh đến triều với ý đồ không chịu làm bề tôi. Tháng ba ông bị bệnh lại đưa về Cô Thục. Đến tháng bảy thì ông mất. Em ông là Xung thay ông nắm giữ binh quyền, tận trung với Vương thất. Ông mất ở điện Thanh Thự, an táng ở Bình lăng thọ ba mươi lăm tuổi, trị vì được hai mươi bốn năm.

Bính Tý: Đổi niên hiệu là Thái Nguyên. Năm này tượng Phật bằng Chiên-đàn được đưa đến Trường An, an trí được mười bảy năm.

Quý Mùi: Hậu Tần: Diêu Trình, tự là Cảnh Mậu, người ở Nam An, Xích Đĩnh Khương. Tiên tổ ông là hậu duệ của Hữu Ngụ, cha ông là Đặc Trọng có tất cả hai mươi bốn người con, Trình là con út. Ban đầu ông làm quan dưới thời Phù Kiên, giữ chức Dương vũ tướng quân. Nhân vì Nam chinh bị bại đem quân về, bèn giết Phù Kiên, chiếm cứ Trường An rồi tiến ngôi. Ông ở ngôi tám năm, đổi niên hiệu là Kiến Hưng, thọ sáu mươi bốn tuổi.

Tây Tần: Khất Phục Quốc Nhân: Vốn là người ở Tây Dương. Tiên tổ ông rời khỏi Âm sơn từ thời Hán, sau quy hàng Phù Kiên, làm quan đến chức Nam thiên vu trấn dũng sĩ xuyên. Về sau đánh bại Phù Kiên rồi tự xưng Đại Thiên Vu Vương, đổi quốc hiệu là Tây Tần, chiếm cứ Kim thành rồi tiến ngôi. Bốn năm sau ( Ất Dậu) đổi niên hiệu là Kiến Hy.

Hậu Lương: Lữ Quang: Tự là Thế Minh, người ở Lạc Dương. Cha là Bà Lâu, làm quan dưới thời Phù Kiên đến chức thái úy, sinh ra Quang. Quang cao tám thước bốn tấc, mắt có hai đồng tử. Vương Mãnh gặp ông biết là người tài bèn tiến cử ông làm tướng, thống suất bảy vạn hùng binh Tây chinh. Ông dẫn binh hùng hơn bốn mươi nước, đến nước Quy

Tư thì rước được La-thập. Nửa chừng nghe tin Kiên chết, ông chiếm cứ Cô tang rồi xưng là Lương Châu Mục, ở ngôi được mười năm.

Hậu Lương: Mộ Dung Thùy, tự là Đạo Minh, em của Hoàng. Ông cao bảy thước năm tấc, tay dài quá gối, do sợ bị giết nên chạy sang Tần. Phù Kiên cử ông làm tướng, sai ông đem binh chinh phạt Tấn, cuối cùng bị bại, ông bèn chiếm cứ Trung sơn, đổi quốc hiệu là Yên, ở ngôi mười ba năm, thọ bảy mươi mốt tuổi.

Giáp Dần: Phù Phi, tự là Vĩnh Thúc, con thứ của Kiên, sau khi nghe Kiên mất, ông đem binh ra trấn giữ đất Nghiệp, chiếm cứ Tấn Dương, trị vì một năm, đổi niên hiệu là Đại An.

Hậu Tần đổi niên hiệu là Bạch Tước.

## **2. Pháp sư Tuệ Viễn ở Đông lâm:**

Thái Nguyên năm thứ chín, do Tần bị loạn nên Pháp sư Tuệ Viễn về với Tấn. Ngài họ Giả, quê ở Nhạn Môn, thuở nhỏ vốn là nho sinh, học rộng, đọc khắp sách vở, lại rất tinh tường Chu Dịch, Trang Lão. Ngài cùng em mình là Tuệ Trì có lần nghe pháp trong pháp hội của Pháp sư Đạo An. Khi nghe được diệu pháp xuất thế, ngài vô cùng vui mừng rồi than: Chín phái của Nho gia đều có trấu cám! Thế rồi ngài cầu Đạo An xuất gia.

Môn đồ của ngài Đạo An có đến mấy ngàn người, ngài là đệ tử thượng thủ. Đến khi Quan Trung bị nhiễu loạn, Đạo An phải phân tán đồ chúng của mình, khi ấy Đạo An đem quy cũ, nhắc nhở dạy dỗ từng người một cách cặn kẽ, nhưng chỉ riêng ngài, thì Đạo An không nói lời nào cả. Ngài lấy làm lạ bèn hỏi, thì Đạo An nói: “Với con người bản lĩnh như ông, ta còn nói làm gì nữa!

Thế rồi từ Kinh châu, ngài đến La Phù, Tâm Dương, Khuông Sơn, thấy phong cảnh núi non Lô sơn thâm u, vắng lặng. Ngài vô cùng thích thú. Bấy giờ thái thú Hoàn Ôn bèn dựng tinh xá tại đây cho ngài ở. Một đêm nọ sấm gió bỗng nhiên nổi lên nhổ bật cả đại thụ, san bằng cả đất đá, biến nơi ấy thành khu đất bằng phẳng, lại thổi cả những cây gỗ lớn đến ngay nơi đó. Bấy giờ người ta cho rằng đó là do thần vận chuyển đến.

Hồi ấy thái úy Đào Khản trấn thủ Quảng châu, bấy giờ có một ngư phủ đánh cá ở biển vớt được tượng của ngài Văn-thù, bèn đưa đến chùa Hàn Khê thờ tự. Chùa này có lần bị hỏa hoạn nhưng gian nhà thờ và tượng Bồ-tát chẳng hề bị cháy. Về sau, Khản ra trấn thủ tại Vũ Xương, bèn sai người thỉnh tượng ấy về Vũ Xương, nhưng có đến mười người

mà vẫn nhích tượng không lên. Cuối cùng họ phải tốn nhiều công sức mới đưa được tượng lên thuyền, nhưng thuyền liền bị chìm, pho tượng ấy cũng mất. Khi đó có bài ca dao rằng:

*Khản chỉ là tượng tài  
Tượng vốn là thân uy  
Chỉ dùng tâm thành rước  
Đâu thể dùng sức nghinh.*

Đến khi ngài dựng chùa xong, thành tâm cầu khẩn, bấy giờ pho tượng ấy tự nhiên trôi đến.

Hồi đó nhà Tấn suy vi, kỳ tài trong thiên hạ hầu hết ẩn cư chẳng chịu ra làm quan, như Lưu Di Dân ở Bình Thành, Lôi Thứ Tông ở Dự Chương, Chu Tục Chi ở Nhạc Môn, Tất Dĩnh Chi ở Tân Sái, Tông Bình, Trương Sĩ Dân, Lý Nhạc... ở Nam Dương. Họ đều giao du theo ngài. Ngài cùng với hơn một ngàn Sa-môn khác kết thành Bạch Liên xã, đối trước tượng Phật Vô Lượng Thọ thiết trai phát nguyện kỳ hẹn sinh Tịnh độ.

Đến khi nghe tin Pháp sư La-thập vào Quan trung, ngài rất kính trọng tài năng, cốt cách của La-thập, nhiều lần viết thư thăm hỏi. Trong thư ngài nói: “Năm trước Viễn tôi nhận được thư của Diêu Hữu Quân, nhờ đó biết được đức độ của Nhân giả. Ngày ấy Nhân giả với tôi mỗi người một nơi, thế rồi ngài từ phương xa ấy mà du hóa đến xứ này. Lúc ấy chưa từng có thư từ qua lại, nhưng chỉ mới thoảng nghe, trong lòng tôi đã vô cùng mừng rỡ. Phút giây ôm hoài bão mong Nhân giả đến nên trọn ngày mong ngóng. Chỉ lấy tình suông như thế này mà ngợi khen ý vị tao nhã chứ chưa biết cách nào đến Nhân giả được, dỗi mắt ngóng trông ngày thêm khắc khoải. Phàm cây Chiên-đàn đời trồng nơi khác thì nơi ấy cỏ cây đều được xông thơm, ngọc Ma-ni mà phát sáng thì các thứ báu khác cũng được hấp thụ. Hơn nữa mãn nguyện mà không tư lợi cho riêng mình là cái đáng quý đến muôn đời sau. Long Thọ đâu chỉ khéo noi theo dấu trước! Nhưng nay xem ra cũng đã mai một lắm rồi! Nguyện xin Nhân giả thăng tòa trước tác, diễn giảng.”

Ngài La-thập trả lời: Vốn chưa được gặp nhau đàm đạo, văn từ lại vô cùng cách biệt, con đường dẫn dắt đạo tâm không thông, cái duyên đặc ý nhau lại gãy đổ. Tôi hân hạnh đọc được mấy lời ngài ban tặng, chỉ lược nêu đạo đức, phong cách, thì xét ra làm sao đầy đủ hết được. Nhưng Thập tôi nghe qua một lời cũng đã hiểu thấu hết đạo phong của ngài vậy.

**Kinh nói:** Đời mạt pháp sau này, phương Đông sẽ có một Bồ-tát

ra đời hộ trì chánh pháp.

Thật đúng thay! Nhân giả là người khéo hoằng truyền mở mang việc ấy. Phàm tài năng có năm phương diện: Đó là phước báo, giới Luật, học rộng nghe nhiều, biện tài và trí tuệ siêu việt. Người nào đủ cả thì đạo pháp hưng long, nếu ai không đủ thì đạo pháp ngưng trệ. Nhân giả là người có đủ năm cái đáng quý đó. Vì thế tôi có mấy lời thăm hỏi, nhằm tỏ lòng tôi, nhưng e không làm sao báo đáp hết tấm lòng ưu ái mong chờ cho Nhân giả được.

Còn như việc vận pháp mai một, ngài muốn tôi lên pháp tòa diễn giảng, cũng như lòng mong mỏi tôi đến, thì tôi chỉ sợ tài hèn này không xứng, tôi rất lấy làm hổ thẹn.

Xưa nay muốn bày tỏ ý hướng, phải gặp nhau luận bàn mới mong bày tỏ hết được.

Ngài La-thập lại làm bài kệ gửi Tăng Tuệ Viễn rằng:

*Từ lâu bỏ thế tục  
 Tâm đã nhiếp phục chưa?  
 Nếu chẳng còn dong ruổi  
 Thâm nhập thật tướng chưa?  
 Rốt cuộc trong vô tướng  
 Tâm chẳng còn thấy vui.  
 Nếu vui thiền, trí tuệ  
 Là pháp tánh không soi  
 Nó hư dối không thật  
 Chẳng phải nơi dừng tâm  
 Pháp Nhân giả đạt được  
 Nguyên xin nêu máu chốt.*

Ngài Tuệ Viễn dùng bài kệ phúc đáp rằng:

*Đầu mối từ đâu khởi  
 Trong sinh, diệt, có, không  
 Mấy may chạy theo cảnh  
 Liền đạp đổ núi cao  
 Hoặc, tưởng lại theo nhau  
 Gặp lý tự sinh trệ  
 Nhân duyên tuy không chủ  
 Mở lối chẳng một đời  
 Lúc chưa thấu Tông tượng  
 Ai sẽ mở lối huyền?  
 Hỏi đến càng lo nghĩ*

*Hẹn nhau đến cuối đời.*

(Lúc bấy giờ, Trung Quốc chưa có thuyết Niết-bàn thường trụ, nên chỉ nói: Thọ mạng nhiều kiếp lâu dài). Rồi Tuệ Viễn nói: Phật là bậc Chí Cực, Chí Cực thì không biến đổi, lý không biến đổi ấy lẽ đâu có điểm tận cùng chẳng!

Thế rồi ngài trước tác Pháp Tánh Luận. Trong ấy đại khái nói: “Chí Cực lấy bất biến làm tánh, muốn thể đạt được tánh phải lấy thể làm tông.”

La-thập đọc luận bất giác khen: Tuệ Viễn chưa đọc được kinh nhưng lý lẽ nhiệm mầu đã thấu hiểu cả, lẽ đâu không mầu nhiệm ư!

Tần Vương Diêu Hưng có lần gửi thư và ban tặng cho ngài tượng thù bằng gấm lụa của nước Quy Tư, để tỏ lòng cung kính ngài. An Thành Hầu Diêu Tung dâng cho ngài tượng bằng châu ngọc và bộ Thích luận rồi nói: Đại Trí Luận Tân Ký là bộ luận do Long Mãnh trước tác, xin Pháp sư viết cho bài tựa để làm rạng rỡ cho muôn đời sau và để cho đạo nhân khắp nước cùng được thấy nghe.

Ngài cho rằng Đại Trí Luận văn nghĩa sâu rộng, nên khiêm nhường không nhận và ngài sao lại những điểm trọng yếu trong ấy thành hai mươi quyển, rồi viết bài tựa riêng cho phần này.

Bấy giờ Hoàn Huyền làm phụ chánh, khuyên An Đế sa thải Sa-môn, chiếu viết: Những Sa-môn nào có khả năng trước thuật Kinh Luận, diễn thuyết nghĩa lý thì cho phép nương nhờ cửa Phật tu tập, bằng không thì cho hoàn tục, còn Khuông sơn là nơi có những bậc đạo đức ẩn cư, nên chẳng cần phải kiểm nghiệm lựa chọn.

Ngài bèn viết thư gửi cho Huyền, trong thư có nói: Dương vận (lẽ sống) thì ngang dọc mà âm vận (cái chết) bị cướp mất. Do đó vua bèn đình chỉ chiếu chỉ đó.

Ngài từng kê cứu ý chỉ, cội nguồn của Thiên tông biệt truyền kể từ lúc sơ khai đến khi Tổ sư Đạt-ma sang thấy đều phù hợp.

Đào Uyên Minh ẩn cư tại Sài Tang, nhiều lần hỏi đạo với ngài, Minh rất cung kính và ngưỡng mộ ngài. Tạ Linh Vận muốn ghi tên nhập hội Bạch Liên xã, nhưng ngài không thu nhận. Đến những việc như Tông Bích viết Minh Phật Luận, Nhan Diên Chi phân tích Đạt Tánh Luận, Chu Ngung bác bỏ Di Hạ Luận, Trịnh Đạo Tử viết Thần Bất Diệt Luận, đều nhờ ngài đính chính. Còn những bọn như Long An Trung, Hoàn Huyền, Trọng Thân, Dữu Bạng muốn Sa-môn phải cung kính vương giả, thì trong triều dựa thế vua phần nhiều đồng ý với Hoàn Huyền, nhân đó vua hỏi ngài rằng: Đây là việc lớn của cả thời đại,

không thể khiến triều đình mất cả thể diện. Trẫm đã nhận được tám lá thư, họ có cùng quan điểm như ngài, ngài phải biện luận tận tường lý do không tôn kính ấy để giải tỏa mối nghi ngờ cho họ, khiến họ phải tuân thủ.

Ngài bèn trả lời thư và viết Sa-môn Bất Kính Vương Giả Luận, gồm năm thiên, nêu rõ lý do vì sao Sa-môn không lễ lạy vương giả.

Lúc đầu Huyền khăng khăng buộc Tăng lạy vua, nhưng đến khi nhận được bộ luận ấy, thì liền hoãn việc này lại, không bao lâu Hoàn Huyền sợ mất chức, bèn đổi ý và viết thư nói rằng: Pháp Phật sâu thẳm không lường biết được, Sa-môn một lòng thờ vua, muốn nêu cao lòng cung kính, nay mọi việc đã rõ ràng, cung cách của đạo nhân khiêm cung cao vời, nên Sa-môn không phải lạy vua.

An Đế thấy vậy liền đuổi Huyền về lại Tầm Dương, xuống chiếu mời ngài hoàng hóa đạo pháp. Phụ quốc Hà Vô Kỵ khuyên ngài ra giúp vua, nhưng ngài biện cố bệnh tật kiên quyết chối từ, vua lại ban chiếu thăm hỏi vấn an, ra sắc lệnh cho thái thú Cửu giang mỗi năm phải cung cấp thóc lúa phẩm vật cho ngài. Ngài ở trên núi ba mươi năm chưa một lần xuống núi, bước vào nhà thế tục. Khi tiễn khách về ngài lấy Hồ Khê làm ranh giới. Em ngài là Tuệ Trì cũng là người có đức hạnh thanh cao, chúng trong Liên Xã có đến mấy ngàn người, Trì là người thượng thủ.

Thái úy Vương Tuân có lần hỏi thứ sử Dự Chương Phạm Ninh rằng: Viễn Công và Trì ai tài hơn? Ninh đáp: Anh em đều tài giỏi cả. Tuân nói: Chỉ cần được như người em tưởng đã hiếm lắm rồi, huống gì lại tài giỏi nữa ư!

Trước khi ngài mất, đồ chúng dâng mật cho ngài, ngài sợ phạm Luật, bèn sai đồ chúng kiểm lại trong Luật cho phép không, kiểm chưa hết quyển thì ngài đã chấp tay quay mặt về Tây an nhiên thị tịch, thọ tám mươi ba tuổi. Tác phẩm của ngài có Khuông Sơn Tập gồm ba mươi quyển, lưu hành ở đời.

Vào đời Tống, Minh giáo Đại sư Khế Tung đi ngang qua tổ đường thờ ngài, đề tặng sáu việc như sau:

1. Lục Tu Tĩnh là học giả của Dị giáo, nhưng ngài vẫn tiễn qua Hồ Khê, chứng tỏ rằng ngài không vì người mà bỏ lời.

2. Đào Uyên Minh là kẻ nát rượu mà ngài vẫn giao du với ông ấy, chứng tỏ ngài là người không câu nệ tiểu tiết mà chỉ giữ lấy sự thành đạt của ông ấy.

3. Cao Tăng Bạt-đà do bày dị thuật nên bị đuổi nhưng ngài vẫn giữ lại và khen ngợi ông ấy, chứng tỏ ngài trọng người học thức để sửa

kẻ ghét người tài.

4. Tạ Linh Vận là người tạp tâm định kiến nên ngài không thấu nhận, về sau ông ấy quả nhiên chết bởi hình phạt, chứng tỏ ngài biết ông ấy là kẻ có tài, nhưng ngài lại thận trọng đến cách xử thế của ông ta.

5. Lư Tuần muốn làm phản, nhưng ngài cầm tay ông ấy mà cầu xin tình bạn cũ, chứng tỏ ngài tự tín đạo.

6. Hoàn Huyền Dương uy, nhưng ngài chống đối không khuất phục, chứng tỏ ngài có khí tiết lớn.

Hầu hết con người xưa nay không ai mà chẳng sợ uy, nhưng lại chịu nhục để được tránh khỏi, quên nghĩa nhưng lại tránh nghi, ưa danh nhưng lại mê muội sự thật, thích cái thế đông nhưng lại nhẫn nại một mình, muốn vun bồi sự nghiệp nhưng lại sợ liên lụy, ưa tự thị nhưng chẳng bằng người. Ai là người có đạo đức cao thượng trọn đời được kẻ tài giỏi tôn làm thầy; nhẫn chịu theo họ để được nghe vài lời? Ai là người có đức độ vượt trội, sống vui với đạo vị thanh cao, nhẫn chịu giao tiếp với kẻ say sưa rồi nêu cao sự thành đạt của họ? Ai là người có tính cách tôn quý khuất phục người tài, lạy khách bị đuổi rồi nêu cao tài năng của họ? Ai là người chống lại những kẻ sĩ nổi danh, không ban giáo pháp cho họ, nhưng lại xót thương đến cái kết cục của họ? Ai là người có cái đáng quý vì nghĩa chẳng lánh họa, hiếu kính với bạn xưa nhưng lại tự tín đạo của mình? Ai là người gặp cái uy của tướng soái, ở trong lúc bạo ngược chém giết, nhưng giữ được đạo vững vàng mà bảo toàn tiết tháo của mình?

Đó đủ thấy rằng Viễn Công là con người có tầm hiểu biết vượt xa người khác, là con người xuất chúng từ xưa đến nay vậy. Còn như công lao gánh vác đạo pháp, hoằng Dương Thánh giáo làm lợi ích trời, người, thì đâu thể dùng lời nói mà tóm thâu, diễn bày hết được. Ông ấy là Thánh ư? Là Hiền ư? Vội vội thay! Chí khí như núi cao, thổi mát cả đất trời, đó là thanh danh của Viễn Công. Sắc thu bốn biển, cao thẳng như núi thần, đó là khí tiết thanh cao của Viễn Công. Người, rồng, tăng, phượng vái chào nhóm họp, đó là nếp sống của Viễn Công. Mây trắng, hang hồng, cây ngà, cỏ ngọc là trụ xứ của Viễn Công.

### **3. Lưu Di Dân mất:**

Lưu Trình Chi tự là Trọng Tư, người ở Bành thành, thuở nhỏ mất cha, ông phụng dưỡng mẹ hiền, lòng hiếu thảo ấy vang khắp thiên hạ. Ông là con người luôn giữ vững tiết tháo, không uốn mình theo thời thế.

Bản thân tuy nghèo khổ nhưng chắc do phước uy đời trước, nên khí tiết của ông mới thanh cao như vậy.

Tư đồ Vương Mật, Thừa tướng Hoàn Huyền, Thị trung Tạ Côn, Thái úy Lưu Dụ đều mến mộ tài năng của ông. Họ bàn nhau muốn tiến cử ông, nhưng Trình Chi một mực chối từ và ông đến Khuông sơn nương nhờ với Viễn Công. Gặp ông, Viễn hỏi: Bổng lộc quan triều cao vời như thế sao ông không làm quan?

Trình Chi đáp: Vua tôi nghi ngờ nhau, cái bươu thừa ngoài da lại thiếu (bổng lộc), nhà Tấn không có cái thế vững chắc như bàn thạch, lòng người lại có mối họa dễ vỡ như trứng, thì tôi làm quan sao được!

Viễn nghe ông nói như vậy, biết ông là người lỗi lạc. Thái úy cũng cho rằng không ai khuất phục được chí khí của ông, nên cùng công khanh bàn bạc tặng ông hiệu là Di Dân để nêu cao đức hạnh của ông.

Thời bấy giờ những người như Lôi Thứ Tông, Chu Tục Chi, Tất Dĩnh Chi, Trương Tú Thật, Tông Bích... cùng nương ngài Tuệ Viễn tu học. Viễn Công nói với họ: Các ông đến đây lẽ đâu lại quên con đường đi đến Tịnh độ chẳng? Người có tín tâm rồi phải nên dốc lòng gắng sức tu trì chớ để liên lụy đến đời sau!

Khi ấy Trình Chi là người có tài văn chương nhất, nên ngài bảo ông ghi chép việc này và lấy tên là Liên xã Thệ Văn. Trong ấy nói rằng: “Ngày hai mươi tám tháng bảy năm này, Pháp sư Thích Tuệ Viễn, một lòng vì việc sinh tử, canh cánh trong lòng, ngày nay phát nguyện...”. Thế rồi ngài dẫn những kẻ sĩ đã dứt lòng lo nghĩ việc tục, chánh tín Phật pháp như Lôi Thứ Tông, Lưu Trình Chi... cả thảy một trăm hai mươi ba người tập trung trước tượng Phật Vô Lượng Thọ trong tinh xá Bát-nhã đài tại Lô sơn, ngài đốt hương dâng hoa chân thành dâng cúng rồi phát nguyện rằng: Tất cả chúng hội hôm nay, đã rõ lý nhân duyên hóa sinh, đã thấu được sự truyền thừa của ba đời, đã phù hợp với nhân duyên chiêu cảm, như vậy thiện báo, ác báo đều hội đủ. Ngày nay chúng con kết giao với nhau để cùng tu tập, thấy rõ kỳ hạn vô thường quá ư cấp bách, thiện báo ác báo theo nhau thúc giục, biết mối nạn hiểm trở nín kéo. Thế nên tất cả nhân sĩ chúng con sớm tối cầu mong được ngài tế độ. Bởi vì thân có thể cảm được nhưng chẳng có dấu tích để nương cầu, cảm mà có cảnh giới thì cửa ngõ u huyền chỉ trong gang tấc. Nếu muốn cầu mà không có cảnh giới để thú hưởng thì tất mệnh mang mờ mịt chẳng biết đâu là bến bờ. Ngày nay chúng con may mắn không mưu cầu mà tự chiêu cảm được, thú hưởng tâm về Tây phương, đọc tụng Kinh Luận, khai mở lòng tin, được như vậy thì tự tâm bừng sáng. Cơ

cảm ấy chẳng khác nào tỉnh thức giấc mộng, hơn một trăm người chúng con hân hoan cùng đến. Thế là mây mù vén sạch cảnh giới sáng lòa bỗng nhiên hiển hiện chẳng khác nào cảnh giới của thần cảm kiến lập nên. Công do lý hài hòa, sự chẳng do người chuyển vận. Đó mới chính thực là khả mở lòng thành, tìm cầu bạn hữu. Như vậy lẽ đâu chẳng chịu dốc tâm gắng sức, ngày nghỉ đêm suy, lại làm ngưng trệ mối lo nghĩ đó chẳng! Thế nhưng cảnh duyên nhiều lớp, công phước chẳng đồng, dù sớm hẹn cùng nhau nhưng chiều về thì mỗi người một khác. Đó là điều mà thầy bạn tôi rất lấy làm xúc động!

Thế nên chúng con khảng khái đợi linh, chỉnh áo sửa đàn, đồng lòng dốc tâm, hướng cõi Thanh lương, thề rằng từ nay cùng qua Cực Lạc. Nếu có ai bưng tởn việc đời bỏ thân đi trước thì người ấy là người đầu tiên bước lên cảnh giới xán lạn. Như vậy thì chẳng những chỉ quên đi núi cao vút tận mây xanh, mà còn phải quên luôn hang cùng sâu thẳm. Người trước dẫn đường, người sau cứ thế mà tiến lên, phải gắng sức chăm chăm trên con đường vạn dặm. Được như vậy thì sau đó mới khéo xét oai nghi, mở tâm khai trí, thấy rõ rằng sinh ấm do hóa sinh, thác sinh trong hoa sen, dạo chơi dưới cành ngọc mà ngâm vịnh, thi ca, tung áo linh phát phơ tám hướng, trọn đời trầm mình trong làn gió thơm, thể nhập quên mình mà cùng sinh linh hòa điệu, để tâm trong cái thoát tục mà tự an vui, nghe đến tam đồ rồi từ tạ, dạo ở thiên cung rồi chối dài, tiếp nối nguồn thiêng mà kế thừa nghi quỹ, chỉ vào hơi thở mà hẹn ngày vãng sinh. Tìm cầu con đường như thế này lẽ đâu lại không bao la thay!

#### **4. Thời Tần Phù Kiên, đức tinh xuất hiện có được Đạo An, La-thập:**

Thái nguyên năm đầu, thời Tần Phù Kiên rất thịnh, đức tinh nhiều lần xuất hiện, thái sử tâu rằng: Mai đây sẽ có người trí từ nước ngoài vào nước ta!

Đến khi Tần chủ đánh Tương Dương, rước được Pháp sư Đạo An, thì trong lòng vô cùng mừng rỡ, cho rằng ứng hợp với điềm linh. Nhưng Đạo An khiêm nhường không dám nhận. Nhân đó ngài khuyên Tần chủ nên nghênh đón Pháp sư Cưu-ma-la-thập ở nước Quy Tư. Phù Kiên liền nghe theo. Kiên bèn sai Phiêu Kỵ tướng quân Lữ Quang đem bảy vạn thiết kỵ tiến đánh Quy Tư và dặn rằng: Nếu bắt được La-thập thì đem binh về ngay.

Khi quân của Lữ Quang đến. La-thập nói với quốc vương nước

Quy Tư là Bạch Thuần rằng: Vận nước đổi thay rồi, hôm nay có giặc mạnh đem binh đến đây, nhà vua nên nghênh đón họ, chớ động binh đối địch.

Thuần không nghe bèn đem binh nghênh chiến, rồi cuộc bị Quang đánh cho đại bại. Lữ Quang bắt được La-thập, thấy ngài còn rất nhỏ tuổi, mới nói rằng: Ta sẽ gả con gái vua Quy Tư cho ông!

La-thập kiên quyết chối từ cho rằng không thể được. Quang bèn ép ngài uống rượu say rồi nhốt chung một phòng với cô gái ấy, bèn mất phẩm hạnh.

Đến khi Quang dẫn binh về thì giữa đường nghe Phù Kiên đại bại, nhân đó Quang chiếm cứ Cô Tang rồi xưng vương, cha con Quang nổi nhau làm vua, nhưng rất tiếc họ là kẻ thiếu tài, không biết đạo. Vì vậy La-thập bèn giấu kín tài năng của mình, ở chung với bọn họ. Đến khi nước này bị diệt vong, lúc ấy ngài mới đứng ra hoằng Dương Phật pháp.

### **5. Tần chủ Diêu Trành bị báo ứng:**

Diêu Trành là người Rợ Khương, ở Tây Nhung. Khi Phù Kiên bại trận, Trành làm chủ tướng thống lãnh thuộc hạ của mình nổi lên làm phản. Kiên đánh nhau với Trành nhưng bị thua và bị Trành thắt cổ giết chết trong chùa. Diêu Trành liền soán ngôi, dời đô về Ung Quan, đổi Trường An thành Thường An. Lên ngôi được tám năm, thì Phù Kiên thống lĩnh quỷ binh giữa ban ngày đột nhập vào cung lén giết Diêu Trành. Trành bị thương, máu ra hơn một thạch, sau đó thì chết. Con của Trành là Diêu Hưng lên nối ngôi, bỏ đế hiệu, xưng là Thiên vương. Sau đó, không bao lâu chiến tranh chấm dứt, thiên hạ thái bình. Bấy giờ có nhiều điềm lành xuất hiện, đến khi những đại thụ nối liền cành nhau bỗng mọc ở trước sân điện thì ai nấy đều bảo rằng, đó là điềm lành có trí giả vào nước. Thế là Hưng bèn sai Diêu Thạc Đức đem binh đánh Lữ Long nước Lương, đón ngài La-thập về. Tần chủ rất tôn kính ngài và tôn ngài làm quốc sư, để xiển Dương Kinh Luận. Nước Chấn Đán phiên dịch kinh điển đến thời Phù Kiên thì có thêm Cưu-ma-la-thập... Trong hai triều đại này, Tam tạng kinh, Luật, luận được dịch ra có đến hơn tám trăm quyển.

Ất Dậu: Phù Phi đổi niên hiệu là Đại An, Tây Tần đổi niên hiệu là Kiến Nghĩa.

### **6. Bắc Ngụy Đạo Vũ hoàng đế:**

Họ là Thát Bạt, Vương Thủy Đức đóng đô ở Vân Trung.

Lôi Thị nói: Đạo Vũ, Minh Nguyên, Thái Vũ, Văn Thành, Hiến Văn, Hiếu Văn, Tuyên Vũ, Hiếu Minh, Hiếu Trang, Tiết Mẫn, Hậu Phế, Xuất Đế. Bắc Ngụy gồm mười hai đời vua, trị vì cả thảy một trăm bốn mươi chín năm.

Thái tổ Đạo Vũ Hoàng đế: Tên là Khuê, trước ông đã có mười một đời vua, quốc hiệu là Đại Tấn. Ban đầu Thát Bạt Cật Phần nhân cày ruộng ngoài đồng, bỗng gặp một Thiên nữ, nhân đó sinh ra Lực Vi, tức Thỉ Tổ của nước Ngụy là Thần Nguyên Hoàng đế.

Hồi ấy có lần Hoàng đế tránh nắng ở Ngũ Đài sơn, bỗng có một Phạm Tăng đến xin trải tọa cụ, Đế bằng lòng. Vị Tăng bèn trải tọa cụ ngay chỗ đất đó, bỗng thấy đầu tọa cụ vượt đến trăng sao, đuôi tọa cụ vờn trước mặt trời, mặt trăng, vuông vức năm trăm dặm, đều thuộc đất của Thánh nhân. Vị Tăng ấy chính là hóa thân của ngài Văn-thù.

Thỉ Tổ sinh ra Chương đế Tất Lộc, Lộc sinh ra Bình Đế Diệu, Diệu sinh ra Tư Đế Phát, Phát sinh Chiêu Đế Lộc Quan, Quan sinh Mục Đế Y Lư Bình, Bình sinh Văn Đế Uất Luật, Luật sinh Tuệ Đế Hạ Nộc, Nộc sinh Dương Đế Hột Na, Na sinh Liệt Đế Ế Hòe, Hòe sinh Chiêu Thành Đế Thập Dực Kiên. Mười một đời vua trên chưa vào tới Trung Quốc.

Xét trong thế lục thì tiên tổ của Khuê là hậu duệ của Hoàng đế. Ông là con của Xương Ý, được phong ở Bắc quốc. Nơi này có ngọn núi tên Đại tiên ty, từ đó mà lấy hiệu này. Khi Tây Tấn bị loạn, có Thát Bạt Lư là người nổi danh, ông vốn là người ở Lâu Phiền, được Tấn phong vương. Về sau bộ lạc bị phân tán, trải qua hơn sáu mươi năm đến đời cháu của Lư là Thập Dực Thiệp Khuê.

Ngụy thư chép: Khuê chính là Ngụy Thái tổ Đạo Vũ Đế. Thái Nguyên năm đầu, ông chiếm cứ ba mươi dặm ở phía Đông Sóc châu rồi xây thành dựng ấp, lấy hiệu là Hằng An, làm tướng quân hộ giá cho Phù Kiên. Sau Phù Kiên bị bại trận, ông lên ngôi với hiệu là Thái Tổ Đạo Vũ. Ông chết thì Minh Nguyên lên ngôi. Nguyên mất thì Thế tổ Thái Vũ Đế lên ngôi. Từ đây lại có thêm bốn vua nữa. Đến Thế Tông Hiếu Văn Đế thì dời đô về Lạc Dương, và đổi thành họ Nguyên. Ông bỏ y phục người Hồ, bỏ ngôn ngữ của kẻ cướp tôn sùng di phong của Hoa Hạ. Bấy giờ thiên hạ chỉ có hai nước, nên gọi là Nam bắc triều. Ban đầu Ngụy triều chưa biết Phật giáo, đến khi Thần Nguyên và Tấn sinh ước với nhau, thì lúc này Ngụy mới tin hiểu Phật pháp. Thời ấy tăng có đến hơn hai trăm vạn, tự viện hơn ba mươi ngàn Sở, dịch Kinh Luật Luận

cả thầy hơn một ngàn chín trăm quyển. Từ xưa đến nay Phật pháp hưng thịnh không lúc nào bằng lúc này. Vua đổi niên hiệu rồi lên ngôi.

Bính Tuất: Tiên Tần Phù Đăng: Tự là Văn Cao, là cháu cùng họ với Kiên, trị vì được chín năm, đổi niên hiệu là Thái Sơ, thọ năm mươi hai tuổi.

Hậu Tần đổi niên hiệu là Kiến Sơ, vào Trường An rồi xưng đế.

Lương: Đổi hiệu là Đại An.

Yên: Đổi niên hiệu là Kiến Hưng.

Đình Hợi: Tây Tần Khất Phục Càn Quy: là em của Quốc Nhân, trị vì hai mươi bốn năm, sau bị anh giết chết.

Mậu Tý: Tây Tần đổi niên hiệu là Thái Sơ, xưng vương ở Hà Nam.

### **7. Tổ 26 Bất-như-mật-đa:**

Ngài là Thái Tử con vua Đức Thắng, sinh trưởng tại Nam Ấn. Sau khi đắc pháp với Tôn giả Bà-xá-tư-đa. Ngài đến Đông Ấn hoằng truyền giáo pháp.

Vua nước này tên là Kiên Cố đang thờ ngoại đạo Trường trào Phạm chí làm thầy. Khi ngài sắp đến, vua cùng Phạm chí đều nhìn thấy một luồng khí trắng xuyên suốt từ trên xuống dưới. Vua hỏi:

- Đây là điềm lành gì vậy?

Phạm chí vốn biết trước ngài sẽ vào nước này và sợ rằng vua thân thiện ưu đãi ngài, bèn nói:

- Đó là điềm có ma đến, chứ làm gì có điềm lành!

Thế rồi Phạm chí bèn nhóm đồ chúng mình lại rồi bàn nhau hỏi rằng:

- Bất-như-mật-đa sắp vào đô thành, ai có thể chiết phục ông ấy?

Đệ tử nói: Bọn chúng con ai nấy đều biết chú thuật, có thể làm chấn động trời đất, ra vào trong nước lửa, thì thầy còn lo gì?

Khi đến thành, ngài nhìn thấy trên tường trong cung có luồng khí đen, ngài nói:

- Chỉ gặp nạn nhỏ mà thôi.

Ngài liền thẳng đến chỗ vua, vua hỏi:

- Thầy đến đây để làm việc gì?

- Ta đến để độ chúng sinh.

- Dùng pháp gì độ?

- Tùy theo từng loại mà dùng pháp để độ.

Bấy giờ Phạm chí nghe nói thế liền dùng dùng nổi giận, dùng

huyền thuật hóa ra một trái núi lớn ập xuống đầu ngài. Ngài lấy tay chỉ, quả núi bay qua đê đầu bọn Phạm chí. Bọn Phạm chí khiếp vía lạy ngài xin tha. Ngài xót thương bọn họ ngu muội nên bị mê hoặc, ngài lấy tay chỉ lần nữa, trái núi ấy bỗng nhiên biến mất.

Thế rồi ngài diễn thuyết pháp yếu khiến vua và ai nấy đều quy hướng Chân thừa. Ngài lại nói với vua:

- Nước này sẽ có Thánh nhân kế thừa giáo pháp của ta!

Bấy giờ trong nước có một đồng tử con Bà-la-môn, khoảng hơn hai mươi tuổi. Đồng tử này từ nhỏ đã mồ côi cha mẹ, chẳng biết tên họ của mình là gì. Có khi tự xưng là Anh Lạc. Thế nên người bấy giờ gọi ông là Đồng tử Anh Lạc. Thường ngày Anh Lạc đi khắp xóm làng xin ăn qua ngày, hành trạng ấy chẳng khác Bồ-tát Thường Bất Khinh.

Có người hỏi: Sao anh đi nhanh thế?

Ông liền trả lời: Sao anh lại đi chậm thế!

Gặp lúc người hỏi: Anh họ gì?

Ông đáp: Cùng họ với anh.

Cứ thế thiên hạ chẳng hiểu ông là người thế nào.

Một hôm vua cùng ngài cùng ngồi xe đi ra khỏi thành, chợt thấy Anh Lạc cúi lạy phía trước. Ngài hỏi:

- Người nhớ được việc xưa chăng?

Anh Lạc đáp: Con nhớ trong nhiều kiếp về trước, con cùng thầy ở chung với nhau. Thuở ấy thầy giảng Ma-ha Bát-nhã, con chuyển Tu-đà-la thậm thâm. Việc ngày nay quả khế với duyên xưa.

Ngài nói với nhà vua:

- Vị đồng tử này chẳng phải người nào xa lạ, mà chính là hóa thân của Bồ-tát Đại Thế Chí. Sau vị Thánh này, sẽ xuất hiện hai vị, một vị giáo hóa ở Nam Ấn, một vị có duyên với nước Chấn Đán, chín năm sau ông ấy sẽ về lại nước này.

Do có duyên xưa, nên ngài đổi tên đồng tử thành Bát-nhã Đa-la. Khi cơ duyên sắp hết, ngài phó chúc chánh pháp nhân tạng cho Đa-la và nói kệ:

*Kho chân tánh tâm địa  
Không đầu cũng không đuôi  
Hợp duyên mà hóa vật  
Phương tiện gọi là trí.*

Phó pháp xong, ngài từ biệt vua và nói:

- Tôi hóa duyên đã xong, sẽ vào tịch diệt. Cầu mong nhà vua đừng quên ngoại hộ giáo pháp tối thượng thừa. Nói xong, ngài về lại trụ

xứ ngôi kiết già an nhiên thị tịch. Ngài dùng lửa Tam muội tự đốt thân mình. Vua cùng Bát-nhã Đa-la thân lấy xá-lợi dựng tháp an táng. Bấy giờ là năm Mậu Tý nhằm đời Đông Tấn Hiếu Vũ Đế niên hiệu Thái Nguyên năm thứ mười ba.

Kỷ Sửu: Hậu Lương đổi niên hiệu là Lâm Gia.

Quý Ty: Thụy tượng Chiên-đàn dời đến Giang Nam, an trí được một trăm bảy mươi ba năm.

Giáp Ngọ: Tiền Tần Phù Sùng đổi niên hiệu là Diên Sơ. Tháng mười bị Càn Quy giết, nước này bị diệt vong.

Hậu Tần Diêu Hưng: Tự là Tử Lược, con trưởng của Diêu Thành. Ông lên ngôi tại Hòe Lý, đổi niên hiệu là Hoàng Sơ, thọ năm mươi lăm tuổi, trị vì được hai mươi hai năm.

### 8. An Đế:

Tên là Đức Sùng, con trưởng của Vũ Đế, sinh ra vốn bất tài, đến nỗi không phân biệt được nóng, lạnh, đói, khát. Ông mất ở Đông đường, an táng ở Bình lăng, thọ ba mươi hai tuổi. Một người con nữa tên là Nho Tông, mười lăm tuổi lên ngôi, trị vì được hai mươi hai năm.

Hậu Lương đổi niên hiệu là Long Phi, xưng là Lương Thiên Vương.

Hậu Yên: Mộ Dung Bảo, tự là Đạo Hựu, con thứ tư của Thừa, trị vì được hai năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Khương, thọ bốn mươi bốn tuổi.

Bắc Ngụy đổi niên hiệu là Hoàng Thỉ, lập ra cờ xí của Thiên tử.

Nam Yên: Mộ Dung Đức tự là Huyền Minh, con út của Hoàng, thân cao tám thước hai tấc, dung mạo rất oai hùng. Sau khi Dung Bảo chết, ông chiếm cứ Hoạt đài, lấy hiệu là Yên Đô Quảng, tiếm vị được bảy năm, thọ năm mươi tuổi.

Nam Lương: Ngọc Phát Ô Cô, người ở Hà tây, Tiên ty. Cha ông cùng thời với Ngụy Vương. Tổ tám đời của ông là Thất Cô thống lãnh bộ tộc này, từ biên ải phía Bắc dời về Hà tây, Lữ Quang sai sứ tiến cử ông làm quan, giữ chức Ích châu mục. Ông tự xưng là Đại Thiên Vu Tây Bình Vương, đóng đô ở Quảng Vũ, sau dời về Lạc đô, đổi niên hiệu là Thái Sơ, tiếm ngôi được ba năm.

Bắc Lương: Chiếm cứ Trương Dịch, năm sau đổi niên hiệu là Thần Ty.

Tây Lương: Lý Cảo, tự là Huyền Thanh, người ở Long Tây, Thành Kỷ; là cháu mười sáu đời của Hán tướng quân Lý Quảng. Ông nội ông là Yểm làm tướng dưới thời Trương Quỹ, nhân đó chiếm cứ Hà Hữu,

đến Cảo thì xưng là nước Lương, làm vua được mười bảy năm. Ông là tổ tám đời của Đường Thái Tông.

### **9. Trúc Tăng Lãng ở Thái sơn:**

Trúc Tăng Lãng, người ở Kinh triệu, cả đời ngài chỉ làm một việc là chuyên tâm giảng thuyết Kinh Luận, sống đời đạm bạc, ý chí thoát tục. Đầu niên hiệu Hoàng Thi, ông lên Thái sơn rồi dựng am ở đó. Thời bấy giờ những người nghe danh ngài tìm đến học hỏi có đến hơn một trăm người. Đức độ của ngài vang xa, người tài từ ngàn dặm đua nhau đến thưa hỏi. Tiếng thơm đồn khắp, thiên tử của năm triều đều gửi thư thăm hỏi, ban tặng phẩm vật, thử hỏi còn ai nổi tiếng như ngài!

1. Phù Kiên gửi thư nói rằng: Hoàng Đế kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng. Đại thánh theo thời, quyền linh xuất cách, che khắp mười phương, độ người vô lượng, ví như bốn biển trưởng dưỡng quần sinh, chẳng khác đất trời nuôi lớn vạn vật. Giáo dưỡng quần sinh, từ sống đến chết, lắng thần gửi mình trong cảnh giới vắng lặng nhiệm mầu. Trẫm nay phước mỏng, dù sinh cùng thời Thánh, nhưng xa cách muôn trùng, chẳng được cùng ngài đồng ngôi xa giá. Nay Trẫm sai sứ chuẩn bị ngựa xe cùng đến nghinh thỉnh, ngõ hầu nhờ linh quang ngài che chở đất nước. Đồng thời xin dâng ngài mấy cân vàng tía để trang sức Phật tượng, ba mươi tấm tơ lụa gấm, cùng ba người nô bộc để quét dọn chùa triền. Mong ngài không từ chối, hoan hỷ nạp thọ, thiết tưởng mong ngài xét kỹ xem sâu, thấu được ý Trẫm. Sau khi thỉnh xong, theo lễ thầy trò hết lòng thờ phụng.

2. Tấn Vũ Đế gửi thư nói: Hoàng đế kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng: Ngài đức sáng một thời, danh chấn động Đông nhạc. Trẫm mong được cùng Hòa thượng giáo dưỡng muôn dân. Ngài là người thấu tỏ lý mầu, mong hiểu được ý Trẫm. Trẫm nay sai sứ mang tặng một tượng Phật bằng ngọc châu năm màu, năm mươi tấm gấm quý, năm cái giỏ bằng ngà voi, năm bình bát bằng vàng. Sứ giả mang đến mong ngài thọ nhận.

3. Hậu Yên Thành Vũ Đế Mộ Dung Thùy gửi thư nói: Hoàng đế kính thăm Thái sơn Lãng Hòa thượng: Thần tâm vắng lặng nguồn linh mãi truyền, lòng từ che mát trăm nước. Hễ là hàm linh thì không ai là không được ban rưới. Trẫm nay thừa kế di phong thay người trước cai quản muôn dân, việc nước canh cánh bên lòng. Xưa Thục bất kính, Ngụy Vũ rất giận. Nay hai kẻ giặc ấy lại bất bình, Trẫm lẽ đâu ở yên chẳng? Lại nữa Nguyên Nhung giết Hưng, nông cuồng làm loạn. Hòa

thượng là người thấu hiểu được lý mâu, độ người chẳng ngại. Nguyên cho binh biến không đổ máu, bốn biển đều hàng phục. Được vậy Trẫm xin gửi lòng quy y, kính mãi không thôi. Nay Trẫm sai sứ mang tặng một trăm tấm lụa hiếm, ba y ca-sa, năm mươi cân gấm, xin Hòa thượng chú nguyện cho.

4. Thái tổ Đạo Vũ Hoàng Đế gửi thư nói: Hoàng đế kính thăm Thái sơn Lăng Hòa thượng. Trẫm nay được nhờ sự nhiệm mầu, uy linh của Thánh nhân nên phải kính lược, nay thì đã hàng phục được Nguyên Nhung rồi. Hòa thượng đức ngang biển núi, thần toán cao xa, nhờ ngài giúp sức hàng phục được giặc giã. Trẫm nay sai sứ mang tặng hai mươi tấm lụa trắng, năm mươi tấm lông cừu trắng, ba bình bát bằng bạc. Sứ giả đưa đến mong ngài thọ nhận.

5. Nam Yên Mộ Dung Đức đã từng cùng ngài dựng chùa Thần thông. Đức gửi thư cho ngài và nói: Kính thăm Thái sơn Lăng Hòa thượng. Nay gặp lúc nước nhà nhiều nạn, tai họa dập dồn, vào năm Kiến Hy thuở xưa, Vương Thất Tây Việt nhờ Vũ vương mà lớn mạnh. Thần Vũ ngự thế mở rộng Đông Hạ, san bằng các thành nhỏ, mở mang lãnh địa đến Mông, Tô. Thiên hạ thật là may mắn! Thế nhưng trời chưa quên giáng họa, khi Vũ Vương vừa lên ngôi, đầu năm Vĩnh Khương thì phía Đông nghiêng, phía Tây ngã, kinh kỳ đảo điên. Mỗi khi nhớ đến cung thất uy nghiêm thuở xưa không khỏi ngậm ngùi rơi lệ. Trẫm vì thiếu đức mới sinh trong thời loạn lạc, khiến cho muôn dân chẳng phút giây nào an hưởng thái bình. May mắn được Hòa thượng xót thương mở tâm che chở. Trẫm nay sai sứ mang tặng trăm tấm lụa sống, cùng mượn lệnh Đông Tề Vương phong cấp cho ngài phẩm vật trong hai huyện ở Cao sơn. Thư chẳng hết lời, mong ngài chấp nhận nhã ý của Trẫm.

Thiên tử năm triều gửi thư thăm hỏi, ngài đều gửi thư phúc đáp. Nay, sợ dài dòng nên không sao lục hết được. Xin độc giả xem trong Đường Hoàng Minh Tập.

Đình Dậu: Đổi niên hiệu là Long An. Bắc Lương đổi niên hiệu là Thần Tỷ. Hậu Yên đổi niên hiệu là Vĩnh Khương.

Mậu Tuất: Mậu Yên: Mộ Dung Thanh, tự là Đạo Vận, con thứ của Bảo, trị vì được ba năm, đổi niên hiệu là Kiến Bình, thọ hai mươi chín tuổi.

### ***10. Vua Bắc Ngụy xuống chiếu chấn hưng Phật giáo:***

Trong năm này vua Bắc Ngụy lên ngôi, đổi niên hiệu là Thiên Hưng. Đạo Vũ hạ chiếu rằng: Từ khi Phật pháp hưng thịnh đến nay rất

là lâu xa, công lao cứu tế muôn dân trang trải khắp kẻ còn người mất. Dấu tích thần kỳ để lại đạo pháp đáng cho muôn dân tin tưởng cậy nhờ. Trẫm nay ban lệnh cho quan hữu ty phải nghiêm sức lại tượng Phật, sửa sang chùa chiền trong kinh đô, lệnh cho bọn tín hướng nơi nào có chùa tháp cũng phải tu bổ. Năm ấy vua dựng lên một chánh điện và một bảo tháp, gọi là Kỳ-xà Tu-di. Lại dựng riêng một thiền phòng và một pháp tòa, không kiến trúc nào mà không uy nghiêm tráng lệ.

Kỷ Hợi: Hậu Tần đổi niên hiệu là Hoàng Thỉ. Hậu Yên đổi niên hiệu là Trường Lạc. (Hậu Yên vương tự là Đạo Văn, con út của Thùy, trị vì được sáu năm, thọ hai mươi ba tuổi).

Hậu Yên: Lữ Toàn đổi niên hiệu là Hàm Ninh. Bắc Lương đổi niên hiệu là Thiên Tỷ.

Canh Tý: Nam Lương: Lợi Lộc Cô: Em của Ô Cô, trị vì được hai năm, đổi niên hiệu là Kiến Hòa.

### ***11. Pháp sư Cưu-ma-la-thập:***

Trong năm này, Pháp sư Cưu-ma-la-thập thị tịch. Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng Thọ, ngài là người Thiên Trúc. Gia thế của ngài có công rất lớn. Cha là Cưu-ma-la-viêm, vốn là người có khí tiết, bỏ ngôi vị tướng mà xuất gia. Quốc vương Quy Tư nghe ông là người tài giỏi bèn thỉnh làm quốc sư, rồi ép gả em gái của vua cho ông, nhân đó sinh ra ngài La-thập.

Mỗi ngày ngài đọc thuộc lâu cả ngàn bài kệ, có đến hơn ba mươi ngàn lời. Các Tông phái thuộc Đại thừa, Tiểu thừa ngài đều tinh thông.

Thời Phù Tần, niên hiệu Kiến Nguyên thứ mười ba, đức tinh xuất hiện, Phù Kiên sai Lữ Quang đánh về phía Tây. Nửa chừng nghe Kiên bị bại, Quang bèn chiếm cứ Cô tang rồi xưng Lương Vương. Thế là Kiên chưa gặp được ngài.

Thời Diêu Tần, niên hiệu Hoàng Thỉ thứ ba, tháng ba, cây trước sân bỗng sinh hai cành liền nhau, trong vườn Tiêu dao, cây hành bỗng biến thành rau diếp, đó là điềm chứng tỏ có người tài vào đất nước. Tháng chín Lữ Long quy hàng. Ngày hai mươi tháng mười hai, vua nghênh đón ngài về ở tại vườn Tiêu dao. Diêu Hưng lấy lễ quốc sư mà hầu hạ ngài, tỏ ra vô cùng kính trọng, ân sủng ngài.

Ngài nhận chiếu của vua dịch Kinh Luận, cả thảy hơn ba trăm quyển. Học trò có đến ba ngàn người, trong đó có tám người rất nổi danh như Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ, Đạo Hằng, Tăng

Ảnh, Tuệ Quán, Tuệ Nghiêm... mỗi người đều có trước thuật.

Có thể nói họ là những người hưng thịnh một thời, đến ngàn năm sau hãy còn chói sáng.

Ngài lại đề cử Đạo Xước làm tăng chánh để chỉnh lý tăng sự. Sa-môn Tăng Duệ là người tinh thông giáo điển, được theo ngài để dịch thuật, ghi chép.

Có lần ngài nói với Tăng Duệ rằng: Ngôn ngữ phương Tây rất chú trọng về văn thể. Thể vận cung thương ấy đã thể nhập trong điệu sáo, ngón đàn thật tuyệt vời. Ông thấy quân vương có những bài khen ngợi về đức độ, hay kinh kệ đều phỏng theo âm điệu thể loại này.

Có lúc ngài than: “Ta trước trước tác Đại thừa A-tỳ-đàm chẳng bằng Ca-chiên-diên”. Thời bấy giờ không có những người am hiểu như ngài, nhân đó ngài rất bùi ngùi rồi không viết nữa. Chỉ duy nhất ngài cùng Tần vương trước tác bộ Thật Tướng Luận gồm hai quyển. Những lúc chánh sự rảnh rỗi, Tần vương đều cùng ngài đối chiếu, soạn dịch, chỉnh sửa lại những chỗ sai lầm trong những bản kinh đã dịch trước đó. Ngài cũng từng giảng kinh tại chùa Thảo Đường, bấy giờ có đến mấy ngàn Sa-môn, triều thần cung kính lắng nghe.

Một hôm vua nói với ngài: Pháp sư là người tài cao hiểu rộng, là bậc vô song trong đất nước, lẽ đâu lại để cho giống pháp không người kế tục ư? Rồi vua bèn đem mười cung tần ép ngài phải nhận. Ngài lại tự nghĩ: “Mỗi lần ta giảng có hai đứa trẻ leo lên vai muốn làm chướng ngại ta”. Từ đó ngài không ở trong Tăng phòng, mà ở riêng tăng xá khác. Chư Tăng thấy vậy cũng bắt chước ngài. Thấy thế, ngài bưng bình bát đựng đầy kim, rồi bảo họ rằng: Nếu ai bắt chước ta ăn được món này, thì có thể cho dựng riêng tăng xá ở.

Nói xong ngài ăn kim giống như ăn cơm, chư Tăng thấy thế hổ thẹn và không dám bắt chước ngài nữa.

Khi ngài ở nước Quy Tư, quốc vương các nước lân cận cùng nhóm họp nghe pháp. Mỗi lần thỉnh ngài thuyết pháp, họ đồng quy sát đất trước tòa rồi thỉnh ngài bước trên vai họ mà thăng tòa.

Thuở nhỏ có lần ngài cùng mẹ mình yết kiến Tôn giả Bắc Sơn ở nước Đại Nguyệt Thị. Bắc Sơn nói với mẹ ngài rằng: Nếu khéo giữ gìn ông Sa-di này đến ba mươi lăm tuổi mà không phạm giới Luật, thì ông ấy độ người chẳng khác Ưu-ba-cúc-đa, bằng không ông ấy chỉ là một Pháp sư tài ba mà thôi!

Khi Thiền sư Bôi Độ ở tại Bành Thành, nghe ngài vào Quan trung mới than: Thuở xưa ta cùng người này ngao du, thế mà cách nhau đã ba

trăm năm rồi! Bây giờ dù có gặp nhau cũng không nhận ra, vì chưa phải lúc, thôi thì đợi đến kiếp sau vậy!

Ngài có lần thăng tòa nói: Ví như trong bùn nở sinh ra hoa sen, chỉ lấy hoa sen chớ có lấy bùn dơ!

Ngài ở nước Tần mới chín năm thì nhuốm bệnh, ngài đọc thần chú ba lần rồi sai đệ tử ở ngoài nước trì tụng để tự cứu mình. Sau đó ít lâu bệnh tình thuyên giảm. Thế rồi một hôm biết mình sức yếu, ngài nhóm họp đồ chúng rồi dặn dò: Các pháp theo nhau không dứt, nếu chưa đoạn sạch tâm duyên mới liên lụy đến đời sau. Thật đáng xót thương! Từ khi ta đem tài hèn dịch truyền Kinh Luận, duy chỉ còn bộ Thập tụng Luật là chưa kịp san định. Nếu nghĩa lý của những dịch phẩm ấy khế hợp với tâm Phật, thì khi đốt thân lưởi này không cháy.

Nói xong thì ngài thị tịch. Lúc trà-tỳ quả nhiên lưởi ngài không cháy mà vẫn tươi sáng như sen hồng.

**Luận rằng:** Hán Quang Vũ sinh ở Nam Dương, thì Nam Dương không có kẻ hèn. La-thập đến Quan trung thì những bậc kỳ tài hội tụ. Thánh nhân ra đời đều có mục đích. Họ cùng đi với kẻ sĩ, theo bọn hạ lưu, thân cận tùy cơ mà khai hóa họ. Đó là điều đáng tin chớ không phải bịa đặt.

Từ Ngụy Tấn đến nay, đại pháp Mờ mịt tối tăm. Khi Sa-môn bên Tây Vực đến, hiển hóa thần tích khắp nơi trong nước, dù cũng có những bậc kỳ tài kiệt xuất, nhưng phần nhiều cũng còn đóng khung, giam mình trong ngoại điển. Từ khi La-thập đến, đại pháp mới ào ào trào tuôn từ đó. Học giả mới bắt đầu dốc tâm vào Đại thừa, xem nhẹ Lão Trang. Sở dĩ được như vậy là do ngài La-thập thân chứng được các pháp môn. Đó lẽ đâu lại là sự bổ ích nhỏ chằng! Thế nhưng chỉ do tức chướng, nên khiến ngài chỉ ở Quan trung được có chín năm, hoài bão cứu mang trong lòng mười phần chưa thực hiện được một phần thì đã không kéo dài được tuổi thọ. Tần vương có công trợ giúp ngài La-thập mở mang đại pháp nhưng không có khả năng học tập thành tựu cái đáng quý như ngài.

Than ôi! Khiến ngài La-thập có đức độ chói sáng, có phạm hạnh thanh tịnh, đáp ứng hoài bão của ngài, khiến ngàn năm sau mãi mãi sáng lạng, làm một người mở mang đại giáo, dù Di-lặc tái thế có gì hơn đâu!

### **12. Tăng Chánh Đạo Xước:**

Pháp sư Đạo Xước là người phụng trì giới Luật rất tinh nghiêm,

được Tần vương rất kính trọng. Từ khi ngài La-thập vào Quan trung, Tăng Ni có đến hơn một vạn. Nhưng trong đó phần nhiều không theo kỷ cương giới Luật. Tần vương rất lo lắng, bèn đặt ra chức Tăng chánh, rồi hạ chiếu rằng: Từ khi đại pháp truyền về phía Đông, thời nay là hưng thịnh nhất, Tăng ni quá nhiều nên cần đặt ra quy củ, thâu nhận người tài cao học rộng để làm khuôn phép cho họ. Pháp sư Đạo Xước từ nhỏ vốn có tài học rộng, về già lại có đức độ cao vời, đáng làm Tăng chánh. Nay chu cấp xe ngựa, kẻ hầu, bổng lộc bằng quan Thị trung. Truyền chiếu nuôi ngựa, sửa xe mỗi việc hai người. Lại tiến cử Tăng Thiên, Thiên Tuệ làm Duyệt Chúng, Pháp Khâm, Tuệ Bản làm Tăng lục. Nay cấp mỗi ban ba mươi người để phụ việc và để nhờ cậy trong lúc tuổi già.

### **13. Đạo Dung biện luận với Bà-la-môn:**

Thời bấy giờ ở nước Sư tử có Bà-la-môn tên là Thông Minh, đứng đầu bọn ngoại đạo. Nghe ngài La-thập ở tại Quan trung, ông này bèn gửi thư đến xin được cùng Tăng biện luận. Sa-môn ở Quan trung nhìn nhau tỏ ý mình không đủ khả năng đó. Ngài La-thập bảo Pháp sư Đạo Dung: Ông có thể đảm trách việc này!

Dung mới nghĩ lại, kinh thư của ngoại đạo mình chưa từng đọc, nên ngẫm sai người ghi chép tất cả tên mục của kinh ấy. Chỉ mới xem qua, ngài đã thuộc lòng, sau đó định ngày hẹn nhau nghị luận.

Ngày đó, Tần Vương cùng công khanh đều dự hội. Bà-la-môn này khoe khoang tài học rộng của mình. Đạo Dung bèn kể ra tất cả kinh thư của Bà-la-môn, cùng kinh sử của Tần nhiều gấp ba lần kinh của ngoại đạo. Ngài La-thập thừa thắng chế giễu Bà-la-môn rằng: Ông không nghe nói: Nước Tần có người học rộng chẳng, mà dám xem thường vượt ngàn dặm đến biện luận?!

Thế là Bà-la-môn hổ thẹn lạy ngài Đạo Dung hai lạy rồi đi.

### **14. Đạo Hằng, Đạo Tiêu dâng biểu kháng chỉ xin tiếp tục hành đạo:**

Pháp sư Đạo Hằng thuở nhỏ thờ người mẹ kế, lòng hiếu thảo vang khắp. Sau khi mẹ mất ngài theo Pháp sư La-thập xuất gia làm Sa-môn. La-thập rất mến tài năng của ngài. Ngài và Đạo Tiêu là những người rất nổi tiếng.

Tần vương được nghe hai người này có tài nghệ kinh luân bèn sai thượng thư Diêu Hiến tuyên chỉ khuyên hai người hoàn tục làm quan. Hằng, Tiêu dâng biểu trần tình nói: “Hán Quang Vũ thành tựu khí tiết

như Nghiêm Lăng, Ngụy Văn Đế bảo toàn cái thanh cao như Quán Ninh. Bệ hạ là bậc Thánh ngang trời, mỗi khi nghị luận thì muốn vượt xa hơn Nghiêu, Thuấn. Nay, ban cân đai, áo mào cho hai đạo nhân, thành ra tỏ mình thấp kém hơn Quang Vũ, Ngụy Văn rồi!”

Tần chủ lại nhờ La-thập, Đạo Xước... ra sức phủ dụ, nhằm quyết thỏa nguyện chủ ý của mình. La-thập, Đạo Xước... tấu chương, trình bày nói: “Chỉ có Thánh nhân mới là người hay thấu suốt chí hướng của thiên hạ. Hằng, Tiêu vốn dĩ đã cạo bỏ râu tóc, mặc áo hoại sắc, nay bệ hạ muốn họ làm quan trong triều, thì đó chẳng phải là chí hướng của hai người ấy. Hơn nữa vương vị của Đại Tần thịnh trị, những người kỳ tài nối nhau xuất thế, còn như Hằng, Tiêu chưa hẳn là người trác việt”.

Tần chủ lại hạ thư, bấy giờ toàn thể Tăng chúng đứng ra cầu xin, vua mới bằng lòng cho họ tu tiếp. Khi ấy Đạo Hằng than: “Danh vọng địa vị là sự liên lụy của nguồn đạo chân chính!”, thế rồi Đạo Hằng cùng Đạo Tiêu bỏ thành vào thẳng núi Lương gia, trọn đời không ra nữa.

#### ***15. Pháp sư Tăng Duệ- Người mà Tăng trong bốn biển ngưỡng vọng:***

Pháp sư Tăng Duệ từ nhỏ vốn đã nổi tiếng. Lớn lên xuất gia theo học với ngài La-thập, ngài là bậc diệu ngộ tuyệt luân. Tần chủ có lần hỏi quan tư đồ Diêu Tung rằng: Ông với Duệ Công ai vượt trội hơn? Tung đáp: Thần chưa được gần gũi ông ấy!

Đến khi Tần chủ triệu tập tất cả công khanh quần thần trong triều, thì thấy thần uy của ngài bao la, sâu xa. Tần chủ chỉ ngài và nói với Diêu Tung: Ông ấy là người mà tăng chúng trong bốn biển đều ngưỡng vọng đó!

Tăng Duệ giảng Thành Thật Luận, La-thập hỏi: Bộ luận này có bảy điểm phá chủ trương luận Tỳ-đàm, ông có thể biện giải được không?

Thế rồi Tăng Duệ ứng đáp hết tất cả những gì La-thập hỏi, thấy đều hợp ý với ngài La-thập. Thập khen: “Ông quả là người hiểu biết sâu xa, dịch thuật lại có một văn phong đặc cách, thì ta còn lo gì nữa!”

#### ***16. Pháp sư Tăng Triệu- Người san định Kinh Luận:***

Pháp sư Tăng Triệu thuở nhỏ vì nhà nghèo, nên thường đi viết mướn cho người khác, nhờ đó mà ngài được xem khắp sử sách, lại càng rất rành về Lão Trang, nhưng cho rằng không sâu sắc. Năm hai mươi tuổi xuất gia làm Sa-môn, thanh danh chấn động cả Quan trung. Bấy

giờ ngài La-thập ở tại Cô tang, Tăng Triệu bèn đến y chỉ ngài. La-thập thường cùng ngài đàm luận, mới thất kinh thốt lên: Ông là bậc Long tượng của Phật pháp!

Sau ngài về Quan trung san định lại Kinh Luận, học giả bốn phương đua nhau đến học hỏi. Người học thưa hỏi, công kích ngài đều dùng lý luận sắc bén mà tháo gỡ mối nghi cho họ. Lối lý luận ấy vô cùng siêu xuất.

Ngài trước tác Bát-nhã Vô Tri Luận, La-thập đọc xong nói: Kiến giải của ta không bằng ông! Văn phong thật vô cùng mạch lạc!

Bộ luận ấy được truyền đến Khuông sơn, Lưu Di Dân cho rằng tài ngài chẳng khác Viễn Công, Viễn Công xem xong vỗ đùi khen: Quả là chưa từng có!

Ngài còn trước tác bộ Vật Bất Thiên Luận... đều là những bộ luận vô cùng trọng yếu. Tần chủ lại càng kính phục tuyệt bút của ngài và ban lệnh truyền bố khắp nước, ngài mất năm ba mươi hai tuổi. Đương thời ai cũng tiếc một bậc kỳ tài nhưng lại mất quá sớm.

Tân Sửu: Lương: Lữ Long đổi niên hiệu là Thần Đỉnh.

Bắc Lương: Thư Cự Mông Tồn, vốn là người Hồ ở Lâm Tùng Lư Thủy, cha ông là Hung nô, sau Tồn giết Hâm chiếm lấy Trương Dịch, trị vì ba mươi ba năm, thọ sáu mươi sáu tuổi, đổi niên hiệu là Vĩnh An.

Hậu Lương: Mộ Dung Hy đổi niên hiệu là Quang Thi.

Nhâm Dần: Đổi niên hiệu là Nguyên Hưng.

Nam Lương: Nộc Đan: Em của Lợi Lộc Cô, trị vì mười ba năm, thọ năm mươi lăm tuổi, đổi niên hiệu là Hoàng Xương.

### **17. Tôn giả Phát-đa-la:**

Nguyên Hưng năm đầu Tôn giả Phát-đa-la, từ Thiên Trúc đến Tần. Bấy giờ có đến vài trăm Sa-môn theo ngài học tiếng Phạm. Khi đến ngài có mang theo bộ Luật Thập tụng bằng tiếng Phạm. Ngài cùng với La-thập phiên dịch, nhưng đến nửa chừng thì Phát-đa-la thị tịch. Gặp lúc Sa-môn Đàm-ma-lưu-chi đến, ngài cũng là người rất giỏi về Luật. Tuệ Viễn ở Khuông sơn nghe ngài đến vô cùng hoan hỷ, bèn gửi thư về Quan trung khuyên ngài Lưu-chi tiếp tục dịch hoàn thành bộ Luật. Và Lưu-chi đã cùng ngài La-thập dịch hoàn tất. Đây là bước khởi đầu thúc đẩy tạng Luật sau này đầy đủ và hoàn chỉnh.

### **18. Tôn giả Phật-đà-da-xá:**

Tôn giả Phật-đà-da-xá người Thiên Trúc đến Cô tang, nghe ngài

La-thập nhận cung nữ của Tần Vương, bèn than: Thập như gấm quý, Tần chủ có thể khiến ông ấy đi vào con đường gai góc chẳng!

Thập nghe ngài từ phương xa lặn lội đến, sợ mình chưa gặp được, thì ngài quay về, nên khuyên Tần Vương nghênh đón. Sứ giả đến, Da-xá nói: Thánh chỉ từ xa đưa đến, lẽ ra bần đạo phải nhanh chóng đến triều, để tạ ơn đãi ngộ kẻ sĩ của nhà vua, nhưng nếu chẳng vì La-thập cầu thỉnh, thì bần đạo thà ở Bắc sơn còn hơn!

Sứ giả về thuật lại, Tần Vương càng vô cùng khâm phục ngài. Tần Vương lại sai sứ dùng đại lễ nghênh đón, bấy giờ Da-xá mới chịu tới. Tần vương ra ngoài biên ải đón rước ngài, dựng riêng tinh xá thỉnh ngài ở đó. Vua cúng dường khoản đãi ngài chẳng khác vua chúa, nhưng ngài đều từ chối không nhận bất cứ thứ gì. Mỗi ngày đến giờ ngộ ngài ăn một bữa mà thôi. Ngài rất tinh thông Tỳ-bà-sa luận và rêu lại đồ, nên thời bấy giờ người ta gọi ngài là Xích-tỳ Tỳ-bà-sa. Về sau ngài đến Khuông sơn, Viễn Công rất kính trọng ngài. Ngài lại đích thân dùng sắt tự đúc tháp trên ngọn núi Tử tiêu, rồi an trí xá-lợi chân thân của Như Lai trong đó. Tháp ấy ngày nay vẫn còn.

### ***19. Hoàn Huyền xuống thư khiến Tăng lay tục:***

Nguyên Hưng năm thứ hai, Thái úy Hoàn Huyền từ lâu đã có âm mưu soán đoạt, đến khi được thăng làm tể phụ, liền dựa uy Tần chủ mà hạ thứ buộc Sa-môn phải lay cả vua và lục thân. Huyền gửi tám lá thư, nêu lại sự việc Hà Sung, Dữu Bãng bàn về việc Sa-môn không kính vua, rồi cho rằng: “Ý của Dữu là tôn trọng vua chứ chưa hẳn là muốn bỏ việc lễ lay ấy. Còn Hà thì đưa ra thiên kiến để nhận chìm lễ giáo. Phàm Phật giáo hóa chúng sinh, tuy cũng đặt điều để làm mô phạm nhưng suy cho cùng vẫn vượt ngoài cái thấy nghe, vẫn lấy kính làm gốc. Về điểm này thì không khác, có khác chẳng là sự kỳ vọng chớ không phải là bỏ sự cung kính. Lão tử có ba điều đáng quý như Vương hầu, điều mà ông ta coi trọng đều là ở chỗ ban cho đời một quy tắc chung. Như vậy lẽ đâu chỉ có Thánh nhân ở trên ngôi mới xứng với hai nghi thức đó chẳng? Nhận được cái đức lớn của trời đất thì gọi là Sinh. Người thông suốt được đức lớn, sửa sang mọi sự chính là vua. Thế nên vua tôn ông ấy là bậc Thần kỳ, mà ông ấy lễ kính nhà vua cũng rất trịnh trọng. Đó lẽ đâu lại là sự kính trọng nhau một cách giả dối chẳng? Lễ nghĩa thì chỉ dành riêng cho quân vương mà thôi.

Sa-môn đời đời tồn tại, ngày ngày được ân sủng, lẽ đâu chỉ biết nhận đức mà bỏ lễ, lấy huệ mà bỏ kính chẳng?

Bấy giờ thượng thư Hoàn Khiêm, trung thư Vương Mật... can gián rằng: Nay Sa-môn trong tâm họ rất cung kính đâu thể gặp thân làm lễ. Lại như Dục Vương lạy dưới chân Tỳ-kheo, Ngụy Văn Hầu bái Thiên Mộc, Hán Quang Vũ gặp Tử Lăng đều đâu để họ lạy mình, bọn họ còn như thế huống gì nay là Sa-môn!

Thế rồi Khiêm, Mật nhiều lần gửi thư trình bày với Viễn Công, Viễn than tiếc: Thương thay! Đây là đầu mối của sự đấu tranh, không vận dụng cái đáng quý có từ ngàn năm e rằng đại pháp sẽ bị mai một. Để việc xưa mãi còn lưu truyền, nên ngài trước tác bộ luận gồm năm thiên, nhằm cứu xét trình bày những quan điểm sâu kín, ngõ hầu những người sùng kính đạo Phật ngày sau cần nên đọc kỹ.

## **20. Luận về việc Sa-môn chẳng tôn kính vương giả:**

### ***Thiên thứ nhất: Tại gia.***

Những người mà Phật giáo đề cập đến phần nhiều là những kẻ sĩ ra làm quan và những người ở ẩn. Những người này gồm có bốn hạng. Những ai hoằng truyền giáo pháp khai hóa muôn dân, thì công lao của họ ngang bằng với sự giáo hóa cai trị của đế vương. Còn như những người thấy rõ việc đời, nhận chân thời thế, thì không đời nào chẳng có, chỉ do hành động của họ có thì thiết hay không mà có hưng có phế, có ẩn, có hiển. Trong số đó, những người đáng được nói đến, nay xin đề cập vài lời.

Người tại gia phụng trì giáo pháp thì họ là dân thuận theo sự thay đổi. Tình cảm vẫn chưa thoát tục, dấu tích chẳng khác mọi người, thế nên họ có tấm lòng yêu thương do trời ban, noi theo lễ nghi của vua chúa. Lễ kính có gốc, từ đó mà thành giáo. Cái nhân của gốc lễ giáo ấy vốn do công từ đời trước, cho nên do người mẹ dạy họ biết thương yêu, khiến cho họ biết được cái ân tự nhiên đó. Từ người cha dạy họ biết lễ kính, khiến cho họ biết được sự kính trọng đó. Hai cái đáng quý đó sở dĩ có là do ngầm ứng. Sự tương ứng không phải ở đời nay thì cần phải nên truy tầm nguồn gốc của nó. Do đó người phạm tội phải dùng đến hình phạt để khiến cho họ sợ rồi sau đó họ mới thận trọng trong hành động. Người có công cần phải ban thưởng để làm cho họ vui rồi sau đó họ gắng sức làm. Đó đều là sự tương quan nhân quả mà trong giáo môn nói rất rõ. Nên thuận theo cái lẽ lối chung chứ đừng thay đổi cái tự nhiên ấy. Tại sao? Vì sở dĩ còn cái thân trong đời sau là do vinh tước trói buộc, nó sâu cứng là do ta chưa quên, vì vậy mới bị các thứ tình dục vây hãm, vui đùa trong thanh sắc, trầm mình trong thú vui thế gian,

không thể vượt khỏi để làm con người xuất cách. Do đó cần phải dạy họ kiểm xét lại hành vi của mình. Phạm vi của lễ giáo đều lấy đây làm bến bờ mà không thấu biết được những việc vượt ngoài thú vui ấy, không thấu rõ được việc vượt ngoài thì họ cùng thuận theo sự thay đổi. Vì vậy họ không thể nhận đức mà bỏ lễ, nhận ân mà quên kính. Vì vậy những người vui với di phong của Phật Thích-ca, trước tiên cung phụng cha mẹ rồi mới dâng cho vua. Còn những người xuất gia thì tất chờ mệnh lệnh rồi sau mới thuận theo đó mà làm. Nếu vua và cha mẹ có điều gì nghi ngờ thì họ liền quy ẩn đợi những người cùng chí hướng như mình. Đó là những người mà Phật giáo rất tôn trọng, họ chính là những con người giáo dưỡng nhân sinh, giúp vua giáo hóa cai trị.

Người viết lập ngôn như vậy là muốn nói đến những người cùng chí hướng như mình chứ không phân biệt kẻ trong hay người ngoài, nhằm nêu tỏ ba cái đáng quý đó. Tôi lược dẫn ý kinh, gói gắm niềm hoài mong của mình, lược nêu vài lời như thế.

### ***Thiên thứ hai: Xuất gia***

Xuất gia là khách vượt ngoài xã hội, dấu tích vượt thoát khỏi cuộc đời. Chủ trương của họ là thấu hiểu được mọi sự âu lo trói buộc nơi thân, đoạn tuyệt thân để dứt mọi âu lo, biết thân trong nhiều đời do bầm thọ mà có, chẳng thuận theo sự thay đổi để cầu chỗ thú hưởng, cầu chỗ thú hưởng chẳng do thuận theo sự thay đổi. Bởi vậy họ không xem trọng vật chất như những người thế tục. Dứt mọi âu lo không do ở việc duy trì thân mạng, do đó họ không chú trọng đến việc làm cho đời sống sung túc về vật chất. Lý này và hình hài trái nhau, đạo và tục nghịch nhau. Những người như thế là chính họ tự nguyện xuống tóc, lập chí, thay hình khác người thế tục. Thế nên, hễ là người xuất gia đều là những người lánh đời để sống với chí hướng của chính mình, làm cho khác thế tục để đạt được cái đạo cho mình. Làm cho khác thế tục thì lễ nghi của họ không giống như lễ nghi thế tục. Lánh đời thì dấu tích của họ cao thượng hơn người đời. Được như vậy, nên họ hay cứu vớt kẻ thế tục bị trầm luân, bạt độ những kẻ u mê trong nhiều kiếp. Họ thấu đạt sâu xa bờ bến của Tam thừa, mở rộng con đường cho trời người. Nếu như làm cho một người vẹn toàn đức độ, thì đạo hợp với lục thân, ân lưu khắp thiên hạ. Dù không ở trên ngôi vị vương hầu, nhưng cũng hợp với ngôi vua, cứu tế muôn dân. Thế nên bên trong tuy trái với cái đức kính trọng do trời ban mà không trái với hiếu kính, bên ngoài dù thiếu lòng kính trọng quân vương nhưng không mất sự tôn kính. Từ đó mà xét, thì sẽ thấy rằng, vượt quá cái đặc trưng của sự thay đổi để truy tìm nơi thú

hướng thì lý vốn sâu xa mà nghĩa lại vượt trội, cứ theo cái tẻ để nói đến nhân nghĩa thì công nhỏ mà ân huệ cạn kiệt. Nếu như vậy, thì cho dù sắp đối diện với Minh Sơn (xưa nói Minh Ách) để dạo chơi vẫn còn thấy hổ thẹn vì nghe tiếng đồn, hướng gì là ngang bằng với sự hiểu kính của người dân thuận theo sự thay đổi, của người tài được nhận bổng lộc ư!

**Thiên thứ ba: Cầu nơi thú hướng không thuận với sự thay đổi.**

Hỏi: Theo chủ trương của Lão giáo, cho rằng đất trời hợp làm một là to lớn, vương hầu do thuận với cách thức mà được tôn quý, chết vì nghĩa, sống trong lễ. Nay Sa-môn lại chống đối với lễ kính cao thượng của bậc quân vương vạn thừa, việc ấy không được tước vương hầu mà lại nhận ân huệ của vua là sao vậy?

(Đoạn này không thấy chép phần trả lời)

**Thiên thứ tư: Cách thức rốt ráo vốn không chung cùng.**

Hỏi: Xem khắp trong sách sử ngày xưa, từ thời Thượng hoàng đến nay, những người ở trên ngôi vua, những người sống với đạo chưa hẳn khác nguồn gốc. Gốc vốn không thể là hai, thế nên từ trăm đời nay sử sách như nhau, đều cùng một mối. Đó gọi là chỉ có trời là lớn, duy chỉ có vua Nghiêu mới noi theo được. Do đó chẳng phải trí có điều không thấy suốt, tự thấy suốt ở bên trong, chẳng phải thấy suốt có điều không cùng tận, tự cùng tận cái vô lý. Từ đó mà suy thì, những gì vượt ngoài cái thấy nghe, rõ ràng không thể tin cậy được. Lý mà không thể tin cậy, thì cái rốt ráo của sự thú hướng có thể thấy rõ. Nay Sa-môn chẳng hiểu được ý văn nêu ra, lại lầm lẫn văn giáo, đã sai lầm mà lại cố cho là toàn vẹn. Nếu đưa ra được chứng cứ rõ ràng, thì đó quả là điều mà trong đời ít được nghe.

Đáp: Phạm Huyền tông khoáng đạt, thần đạo tinh vi, có thể theo lý mà tìm, theo sự mà hỏi. Đã vượt quá giáo thì phải theo thời mà kiểm chứng lại. Dù ứng thế có đủ hơn thua ngàn sai muôn khác, đến như giáo điển thành công là ở chỗ vận dụng, đều căn cứ ở lòng dân mà phân chia chung. Những điều mà trí không thể biết được lại chẳng liên quan những gì bên ngoài. Nếu vậy thì chẳng phải cái rốt ráo của lễ nghi cách thức không chung cùng, mà những điều chung cùng ấy không thể cùng tồn tại mà thôi. Vì vậy khi người xưa nói đến đạo lớn, thì năm lần thay đổi mới có thể nêu ra danh tánh, chín lần đổi thay mới có thể nói đến thưởng phạt. Đó mới chỉ là một thêm bớt trong một quốc gia nhưng vẫn không thể định đoạt ngay được, huống gì là những điều vượt ngoài đất nước! Xin ông hãy suy xét lại mà mở rộng đến những gì thuộc phạm vi bên ngoài đó.

Những gì tồn tại bên ngoài bốn phương trời đất thì không bàn đến vì chẳng thể bàn được, nếu bàn tất sai. Những gì tồn tại bên trong bốn phương trời đất thì bàn nhưng không giảng giải vì chẳng thể giảng giải được, nếu giảng giải tất có người nghi hoặc. Như kinh Xuân Thu, các bậc Tiên vương chỉ giải bày mà không luận nghị, vì chẳng thể luận nghị được. Nếu luận nghị tất có kẻ làm loạn. Ba điều ấy đều là những điều vượt ngoài tai mắt. Những điều máu chốt ấy lại là những điều chẳng liên quan đến những gì vượt ngoài thấy nghe. Từ đó muốn tìm cầu ý của Thánh nhân, thì cái đạo trong ngoài phải thích hợp và phải sáng suốt. Cái lý thường hằng phải lấy đạo pháp và danh giáo làm nền tảng. Chẳng hạn như: Như Lai và Nghiêu, Khổng dựng lập đạo lý tuy khác nhưng vẫn ngầm chịu ảnh hưởng với nhau. Kẻ ở ẩn và người làm quan kỳ thực khác xa nhưng rốt cuộc vẫn y hệt nhau. Cứ lý giải một cách tỉ mỉ thì sẽ thấy ngay mục đích sau cùng. Đứng về lý, có khi trước hợp rồi sau trái, có khi trước trái rồi sau hợp. Trước hợp rồi sau trái thì chư Phật Như Lai chính là mẫu người này. Trước trái rồi sau hợp, thì lịch Đại quân vương đạt đến cái rốt ráo của lễ nghi cách thức, chính là mẫu người này. Làm sao biết được? Như trong kinh chép: Phật có một phương pháp tự nhiên thần diệu, biến hóa muôn vật, quyền hiện bất cứ thân hình tùy theo cảnh giới mình đi đến. Có khi hiện làm Linh tiên, Chuyển luân, Thánh đế, có khi hiện làm khanh tướng, quốc sư, đạo sĩ. Những mẫu người đó đều do biến hiện, quốc vương quân tử chẳng biết được họ là ai. Đó gọi là trước hợp rồi sau trái.

Hoặc có những người mới dựng lên nghiệp lớn, nhưng công lao giáo hóa chưa thành tựu, dấu tích còn dở dang, cho nên những gì họ thọ nhận vốn không đồng nhau. Có người hy vọng công lao trong thân đời sau, có người hiển ứng ngay trong đời này. Những người thành tựu cơ nghiệp ngay trong đời Thánh vương cũng không làm sao kể hết. Dù dẫn dụ không giới hạn, nhưng con đường trở về tất gặp nhau. Đó gọi là trước trái rồi sau mới hợp.

Nếu trước trái rồi sau hợp thì những người dò bước chung đường tất không thể tự dừng trong cùng một khuôn phép. Nếu trước hợp rồi sau trái con đường cứu cánh của Phật Thích-ca cùng Nghiêu, Khổng không khác. Thử đoán xem thì có thể biết.

Thế nên, tự trái mà cầu hợp thì tất biết điểm hội nhập của lý tất đồng. Tự hợp mà cầu trái thì tất biết rốt ráo của cách thức vốn đa phương. Chỉ thấy hình hài không giống nhau, thì dù bơi lên trăm thứ son phấn vẫn thấy kinh hải và kỳ dị. Từ đó mà xét thì đạo của trời đất, hiệu

quả hoàn toàn nằm trong sự vận hóa; đức của đế vương, lý hoàn toàn nằm trong sự thuận với lý chung. Nếu đem so sánh với giáo nghĩa siêu xuất, với tông chỉ bất biến, thì cố nhiên không thể định đoạt ngay được, mà sự hơn thua cũng có thể thấy ngay.

***Thiên thứ năm: Hình hài hết nhưng thần thức không diệt.***

Hỏi: Cốt lõi của luận cho rằng sự đổi thay chấm dứt là cùng tốt. Thế nên người đạt đến cái tốt cùng tất trái với sự đổi thay để cầu nơi thú hưởng, cầu nơi thú hưởng chẳng do thuận theo sự đổi thay. Vì vậy mới dẫn dụ lịch Đại quân vương khiến họ hòa đồng với Phật giáo, khiến cho đạo lý rốt ráo của lễ nghi phép tắc thuộc quyền quân vương nắm giữ. Đó là thoái thác một cách khéo léo, tự cho là lý chung. Nếu mong muốn như vậy thật cũng đáng làm, nhưng xét về lý thì không phải như vậy. Vì sao? Bởi vì phạm thọ bẩm khí chất dài nhất là một đời, khi sự sống ấy hết thì tan hoại và đồng với lúc không có. Thần thức tuy là một vật mâu nhiệm, vốn do âm Dương hóa sinh, đã hóa để hình thành cái sinh, tất hóa để hình thành cái chết, đã tụ để hình thành cái khởi đầu, tất tán để hình thành cái kết thúc. Từ đó mà suy, tất biết hình hài và thần thức đều do hóa sinh, căn nguyên của nó vốn không khác. Tinh vi hay thô thiển cũng cùng một khí chất, khởi đầu hay kết thúc vốn cùng một nắm mô. Mô mả vẹn toàn thì khí tụ mà lại linh diệu, mô mả bị hoại thì khí tán mà lại hết linh. Tán thì trở lại nhận lấy căn nguyên, căn nguyên này hủy diệt thì trở về lại với lúc không có gì hết. Sự đắp đổi qua lại rốt cuộc chấm dứt, đó đều là lẽ tự nhiên ai có thể cưỡng chế lại được? Nếu trở về lại căn nguyên thì khác với khí chất, số mệnh mà thích hợp thì đồng với sự đổi thay, đó cũng là thần thức ở trong hình hài, giống như lửa ở trong cây, nếu sinh thì cùng sinh nếu diệt thì tất cùng diệt. Hình hài mất đi thì thần thức cũng tan biến vì chẳng có chỗ nương tựa, cây mà mục nát thì lửa cũng tắt ngấm vì không có nơi gá nương. Lý ấy quả đúng như vậy. Giả sử cái giống và cái khác vốn lờ mờ không nhận thấy được, thì cái có và cái không tất tồn tại trong cái tụ tán. Tụ và tán gọi chung cho sự biến đổi của khí chất, cho sự sống chết của muôn vật do biến hóa mà thành. Thế nên Trang Tử nói: “Con người còn sống thì khí chất tụ lại, khí tụ thì sống, khí tán thì chết. Nếu sống chết là đồng đẳng của tụ tán, thì ta đâu còn lo lắng gì!”. Người xưa hay nói đến đạo, tất đã hội nhập với đạo, nếu quả đúng như vậy, thì đạo lý tốt cùng nằm trong một đời, khi sự sống hết thì không hóa sinh, nghĩa lý này có thể rõ ràng như vậy.

Đáp: Thần thức là cái gì? Đó là vật vô cùng tinh vi mà lại rất linh

diệu. Nó vô cùng tinh vi nên chẳng thể có hình trạng để vẽ nên. Vì vậy Thánh nhân thường ví nó như một vật rất mâu nhiệm. Dù người tài giỏi bao nhiêu cũng không thể định đoạt được hình trạng của nó, không thể truy tìm được gốc gác thâm sâu của nó. Bởi vì khi bàn đến nó, người ta thường dựa vào cái thấy biết thiên cận, nên hay sinh nghi, phần nhiều cùng gây rối cho nhau. Những gì mà họ tự lừa dối nhau vốn cũng đã quá nhiều, muốn nói đến thần thức thì lại không thể nói được. Nay từ cái không thể nói được đó lại mượn vài lời để bàn luận sơ qua.

Thần thức vốn tương ứng viên mãn nhưng vô chủ thể, vô cùng vi diệu nhưng không có tên gọi, chỉ cảm ứng với vật để chuyển động, mượn tạm số mệnh để vận hành. Cảm ứng vật nhưng không phải là vật, thế nên vật đổi thay, nhưng nó thì bất diệt. Nó mượn tạm số mệnh nhưng không phải là số mệnh, nên số mệnh hết mà nó chẳng tuyệt cùng. Có tình thì có thể cảm vật, có thức thì có thể cầu số mệnh. Số mệnh có tinh có thô, cho nên bản tính của nó vốn khác biệt. Trí có sáng có tối nên cái thấy của trí vốn không đồng. Từ đó mà xét, thì sẽ thấy rằng, sự đổi thay là do theo tình mà cảm, thần thức là do thay đổi truyền nhau. Tình là mẹ của đổi thay, thần là gốc của tình. Tình có con đường thể nhập với vật, thần có cái kết cuộc ngầm chuyển dời. Người thấu được đường đi tất về đến cuối đích, người mê mờ sự lý tất cứ chạy theo vật hoài.

Người xưa bàn đến đạo cũng chẳng ai giống ai, xin ông hãy nhận định và suy xét lại điều này. Trang Tử mở lời mâu nhiệm trong tông lớn, kế hợp với lời của hoàng đế, hình hài tuy đẹp nhưng chẳng đổi thay. Lại nói: Lửa truyền trong củi, cũng giống như thần thức thể nhập trong hình hài. Đây chỉ là gượng nói theo những vật hiện có chứ không phải truy tìm đồng loại sâu xa như nó.

Đứng về Như Lai mà luận, thì giả sử hình hài, thần thức đều thay đổi vốn do vận trời thì kẻ ngu người trí đều được bẩm thọ. Lại hỏi rằng những điều được thọ nhận ấy là hình hài thọ nhận hay thần thức thọ nhận? Nếu hình hài thọ nhận thì hề hữu hình đều biến chuyển thành thần thức, nếu thần thức thọ nhận, thì đó là lấy thần truyền thần. Như vậy thì Đan Chu ngang hàng Thánh với Đế Nghiêu, Trùng Hoa cũng linh diệu như Cổ Tẩu, lý ấy có thể đúng chẳng? Nếu không như vậy thì biết chắc rằng duyên ngầm hợp nhau là do đời trước, chia thành sáng tối là quyết định ngay trong lúc có hình hài. Cho dù sự linh diệu chuyển dời có xê xích, nhưng vẫn không thể thay đổi tính tự nhiên của bản tánh, hưởng gì hiện thân rồi lại trở về! Nếu đem nghiệm chứng với lý thì lời nói sâu kín nhưng có thể nêu bày; nếu đem so với sự thì có thể không bị

nhầm lẫn với cái chung.

Khi viết bộ luận này xong, sau đó có một vị khách lui về ở ẩn, nhân lúc tản bộ ngắm trăng thanh gió mát bỗng gặp tôi, tôi mời vị ấy về pháp đường. Nhân đó vị khách hỏi rằng: Theo những lời luận bàn khéo léo, có thể thấy rõ nẻo về của lễ kính. Tôi từng đọc luận này rất nhiều lần, một hôm thử nghiên cứu lại thì vẫn còn thấy một vài chỗ chưa hiểu thấu được. Ý của Luận chủ cho rằng, đức độ và lễ nghi của Sa-môn khác hẳn thế tục, danh phận và tài năng của đạo gia cống hiến trọn cho quân vương, cha mẹ. Vì vậy lược bớt lễ kính đối với hình hài. Điều mà nay tôi còn nghi là, sự nghiệp mà người cha sáng lập chưa thành tựu lại mong công lao được hiển hách lâu dài, được lưu truyền đến mai sau, nhưng phước báo hiện đời không có hiệu quả, quả báo đời sau còn lâu xa chưa có báo ứng, mà lại để cho vương công dưng cúng, tín sĩ quỳ lạy. Vốn không được ngôi vị đó mà lại nhận cái đức đó, bị trói buộc trong cái mưu tính ban đầu, luống nhận ân huệ của kẻ khác, thế có bị chê là kẻ lạm dụng không?

Luận chủ suy nghĩ giây lâu rồi nói: Nay xin ví dụ những kẻ hiền tài để giải thích việc này. Chẳng hạn như ở đây có người tôn thờ, thi hành mệnh lệnh của quân vương đương thời, học rộng nghe nhiều, vượt hẳn người tầm thường, thì thử hỏi nhà vua có chu cấp bổng lộc, áo quần, xe ngựa cho họ không?

- Có.

Luận chủ nói tiếp: Những người ấy đáng học hỏi họ. Phàm những ai đáng được gọi là Sa-môn? Đó là những người khai mở cái u tối cho thế tục, mở rộng con đường mầu nhiệm trong sự đổi thay, rồi đem những gì thiên hạ lãng quên cùng đi với thiên hạ, khiến cho những kẻ có tham vọng cao xa phải uốn mình theo phong tục, khiến những kẻ yếu hèn cũng nhận chút ích lợi dư thừa. Nếu làm được như vậy thì dù nghiệp lớn chưa thành tựu, nhưng xem dấu tích trong mỗi bước đi của họ đủ thấy họ là người tài cao học rộng.

Thế nhưng, công lao của sự thay đổi chung, ích lợi của việc cống hiến đó vẫn không bị trói buộc trong tâm phát nguyện ban đầu, hướng gì là công lao khó nhọc của cả ba nghiệp! Lại nữa người này hình hài dù có hoãn đãi nhưng tình thức không nương cậy trong cái trước mắt, xem từ sự cúng dường như chim sẻ, con ruồi bay qua, như thế thì cái ân huệ như bọt nước nổi trôi kia lẽ đâu là chuyện phải đáng nói sao!

Bấy giờ khách khứa mới thấu tỏ được công lao của việc mở mang khai hóa, cái đạo thanh tịnh thân tâm, ai nấy đều vui vẻ, phát áo ngâm

vĩnh rồi đi.

Giáp Thìn: Ngụy đổi hiệu là Thiên Tứ.

Ất Ty: Đổi niên hiệu là Nghĩa Hy.

Nam Yên: Mộ Dung Siêu đổi niên hiệu là Thái Thượng.

Hạ: Hách Liên Bột Bột: Tự là Khuất Cực, là hậu duệ Hung nô Hữu Hiền Vương Khứ Ty, là con của Lưu Vệ, cùng họ với Uyên. Ông cao tám thước năm tấc, lưng rộng mười vi. Ông chiếm cứ Hạ châu rồi tự xưng là Thiên Vương. Vốn tính hung bạo nên thường lấy việc chém giết làm vui, trị vì được hai mươi năm.

Tây Lương đổi niên hiệu là Kiến Sơ.

### **21. Phật-đà-bạt-đà bị đuổi:**

Niên hiệu Nghĩa Hy năm thứ hai, Tôn giả Phật-đà-bạt-đà người Thiên Trúc đến Trường An. La-thập nghe ngài đến liền vội vã ra nghênh đón, Thập chỉ hận rằng gặp ngài quá muộn. Hai người cùng nghị luận thật tâm đầu ý hợp. Bột-đà hỏi La-thập:

- Dịch phẩm của ngài chưa vượt ra ý người, nhưng lại nổi tiếng là tại sao vậy?

- Thời gian qua tôi chỉ phụ giúp người học, ngài mới là người nổi tiếng đấy chứ!

Bạt-đà lần lượt khai thông hết những nghĩa lý chưa được sáng tỏ, khiến La-thập vô cùng kính phục.

Thái Tử Tần là Diêu Hoàng giữ ngài trong Đông cung cùng nghị luận Phật pháp với La-thập. La-thập hỏi:

- Thế nào là pháp không?

- Do nhiều vi trần kết thành sắc, sắc không có tự tánh, thế nên sắc tức không.

Hỏi tiếp: Đã dùng cực vi trần để phá sắc không, còn nay làm sao phá được một vi trần?

- Do một vi trần nên tất cả vi trần đều không, do tất cả vi trần nên một vi trần là không.

Sa-môn Bảo Vân dịch đoạn này nhưng không hiểu ý, nên cho rằng Bột-đà chấp vi trần là thường, nên Bảo Vân hỏi lại vấn đề này, Bột-đà đáp:

- Pháp chẳng có tự tánh, duyên khởi hợp thì sinh. Duyên theo một vi trần nên có tất cả vi trần, mà vi trần vốn không có tự tánh, nên vi trần là không, lẽ đâu ông cho rằng chẳng thể phá được một vi trần sao!

Thời bấy giờ vua Tần mến mộ đạo Huyền nên Sa-môn ra vào cửa

cung có đến vài ngàn người. Bạt-đà cho rằng vận pháp quá ư suy đồi. Chợt gặp một đệ tử, ngài nói: Hôm qua ta thấy ở Thiên Trúc có năm con thuyền lớn cùng xuất phát, điềm ứng hợp đã đến rồi! Lại nữa đồ chúng của ngài tự nói đã chứng được Sơ quả. Tăng Chánh Đạo Xước nói: Phật không cho phép mình tự nói pháp mình chứng đắc, ngài nói năm con thuyền lớn là muốn nói đến cái gì? Đệ tử lại láo khoét lừa dối người khác, thật quá trái với giáo Luật!

Bạt-đà liền vượt sông vào Khuông sơn yết kiến Tuệ Viễn. Hai bên cùng nghị luận, Tuệ Viễn vẫn không khuất phục được ngài, Viễn càng rất đề cao ngài, nên gửi thư vào Quan trung để rửa sạch nỗi oan uổng của ngài.

Về sau, tại chùa Tạ Tư Không ở Giang đô, ngài dịch bộ kinh Hoa Nghiêm bản sáu mươi quyển. Lúc dịch kinh thấy có hai đồng tử mặc áo xanh, cứ mỗi sáng từ trong ao trước sân bước ra đốt hương, dâng nước hầu hạ bên ngài. Đến tối thì hai đồng tử về lại trong ao. Ngày nào cũng như vậy, đến khi dịch kinh xong, thì chẳng còn thấy hai đồng tử ấy nữa.

Đình Mùi: Hạ đổi niên hiệu là Long Thăng.

Hậu Yên: Cao Vân, tự là Tử Vũ, con trưởng của Tuệ Văn Hy. Ông tự bảo mình là hậu duệ của Cao Dương, nhân đó lấy họ Cao Dương. Cao Hy mất, ông tiếm ngôi được một năm, đổi quốc hiệu là Đại Yên, đổi niên hiệu là Chánh Thỉ.

## **22. Mời Uyên Minh vào Liên xã:**

Uyên Minh Đào Tiềm tự là Nguyên Lương, vốn là huyện lệnh huyện Bành Trạch. Ông giải ấn từ quan lui về ở ẩn tại Sài Tang gần Lô sơn. Bấy giờ ông đến hỏi đạo với ngài Tuệ Viễn, Viễn mến phong thái khoáng đạt của ông nên mời ông gia nhập Liên xã. Đào Tiềm vốn ham uống rượu, nên nói với Tuệ Viễn rằng, cho ông uống rượu thì ông mới đến. Tuệ Viễn đồng ý. Đào Tiềm vào núi, nhưng do lâu ngày không có rượu, chịu hết nỗi ông bỏ núi mà đi.

Mậu Thân: Nam Lương đổi niên hiệu là Gia Bình.

Bắc Yên: Phùng Bạt, tự là Văn Khởi, người ở Tín đô, Trường lạc. Lúc nhỏ ông có tên là Khất Trục Phật. Cha ông là hậu duệ của Tất Vạn. Con cháu ông này đều nhận bổng lộc của Phùng Sư, nhân đó lấy họ Phùng làm họ của mình. Phùng Bạt rất giỏi uống rượu, uống hết một thạch mà chẳng say. Ban đầu ông làm quan cho Hậu Yên, nhân giết Mộ Dung Hy rồi lập Vân, nhưng Vân lại bị bề tôi là Ly Ban, Đào Nhân giết,

Bạt liên tiếm ngôi xưng là Yên Vương, đóng đô ở Xương Lê. Năm sau ông đổi niên hiệu là Thái Bình, trị vì được hai mươi một năm.

Kỷ Dậu: Tây Tần đổi niên hiệu là Canh Thỉ.

Ngụy: Minh Nguyên Hoàng Đế: Tên là Tự, là con trưởng của Đạo Vũ. Ông lên ngôi năm này, đổi niên hiệu là Vĩnh Hưng, trị vì được mười lăm năm, mất ở Tây cung, an táng ở Vân trung Kim lăng, thọ ba mươi hai tuổi.

### **23. Pháp Quả- Người đầu tiên được phong tước:**

Sa-môn Pháp Quả là người có giới hạnh rất tinh nghiêm và là người khai diễn pháp tịch. Trong năm này, Minh Nguyên Hoàng Đế tiến cử ngài làm Tăng thống, lại ban tặng cho ngài hiệu là Phụ Quốc Nghi Thành Tử Trung Tín Hầu An Thành Công, nhưng ngài đều từ chối. Vua đích thân xa giá nơi ngài ở, thấy cửa ngõ chật hẹp xa giá qua không lọt, vua bèn ban lệnh mở rộng đường vào. Ngài là người được vua tôn kính thăm hỏi đến như thế. Ngài mất năm hơn tám mươi tuổi, vua ba lần đến viếng tang ngài và truy tặng hiệu là Lão Thọ Tướng Quân Triệu Hồ Linh Công.

### **24. Pháp Hiển- Người đầu tiên sang Tây Thiên thỉnh kinh: (Canh Tuất)**

Trong năm này, Pháp sư Pháp Hiển từ Tây Vực trở về. Vào năm Long An thứ hai, Pháp Hiển cùng Tuệ Cảnh, Đàm Chính... đi Tây Vực cầu pháp. Họ qua khỏi Lưu Sa thì lạc đường, bèn lấy mặt trời để phân định Đông Tây, cứ nhắm chỗ nào có xương người thì tiến tới. Gặp phải gió nóng ác quỷ nhưng chẳng nản lòng. Khi đến núi Thông Lãnh thì bị tuyết đóng dày đặc, rỗng độc cản đường, họ cứ theo đường sỏi quanh co mà đi tới. Họ không kể gian lao, gặp núi cao vạn nhận thì làm thang leo qua, gặp dòng sông rộng đến tám mươi bộ, họ phải mất bảy ngày bứt dây rừng bện thành cầu mới qua được. Đó là những nơi mà Trương Khiên, Cam Anh của nhà Hán chưa hề đặt chân tới. Qua đến Tuyết sơn, thì Tuệ Cảnh lạnh đến cúm chân và chết. Ngài khóc lóc thảm thiết, cuối cùng nén lấy thương đau một mình đi tiếp. Ngài vượt qua ba mươi nước nữa mới đến được Trung Ấn. Khi cách thành Vương xá ba mươi dặm, ngài vào một ngôi chùa hỏi thăm đường đến núi Kỳ-xà-quật. Vị Tăng trong chùa nói: “Bây giờ sắp tối rồi, hơn nữa nơi ấy có rất nhiều sư tử ăn thịt người, ông không thể đến đó được.”

Ngài tự nghĩ: Ta muốn chiêm bái đất Phật, chẳng may đến thì vừa

tối, đêm nay dù mất mạng ta vẫn không bao giờ thay đổi ý định. Thân này đâu phải là thứ mà ta mến tiếc, lẽ đâu lại sợ sứt sao!

Nghĩ xong ngài đi, đến nơi thì trời đã tối. Ngài bèn vào núi, rồi lễ đánh lễ và nói: Con thật chẳng biết vì sao mình đến được nơi này!

Lạy xong, ngài ngồi dưới gốc cây tụng kinh. Canh ba đêm ấy, Sư tử đến ngồi xổm cạnh ngài chực muốn ăn thịt. Ngài khoát tay đuổi đi và nói: Người muốn ăn thịt ta thì đợi đến khi ta tụng kinh xong đã!

Sư tử nghe vậy vẫy vẫy đuôi đi mất, sáng hôm sau ngài quay lại chùa. Vị Tăng ấy chống tích trượng vái chào ngài nhưng chẳng nói gì cả mà từ từ ra đi. Lúc ấy có một thiếu niên đi đến, ngài hỏi vị Tăng ấy là ai? Thiếu niên đáp: Người ấy là Đầu-đà Đại Ca-diếp! Ngài nghe vậy liền đuổi theo đến sát núi, thấy hang núi có một phiến đá chặn ngang lối vào, thế là ngài không vào được.

Ngài đến Nam Ấn thỉnh được bộ Ma-ha Tăng-kỳ Luật và những bộ kinh như Niết-bàn... Ngài ở lại đây ba năm để học tiếng Phạm. Sau đó ngài đem kinh tượng đi cùng đoàn lái buôn về đến nước Sư tử. Những người đi cùng đều mất do gặp bão, ngài đành ở lại nước Sư tử. Gặp lúc có một người đem chiếc quạt bằng lục trắng dâng cúng Phật, thấy vậy ngài vô cùng cảm động nghĩ đến ngày quay về cố hương. Hai năm sau, ngài về đến Thanh châu. Thái thú Thanh châu là Lý Nghi đích thân đến nghênh đón rồi hộ tống ngài vào kinh đô.

Nhâm Tý: Tây Tần: Sí Bàn, con của Càn Quy, trị vì được mười sáu năm, đổi niên hiệu là Vĩnh Khương. Bắc Lương đổi niên hiệu là Huyền Thi.

### ***25. Tam tạng Đàm-vô-sấm đến Cô tang:***

Tam tạng Đàm-vô-sấm người Tây Vực từ nước Quy Tư đến Cô Tang. Bấy giờ Lương Vương Thư Cừ Mông Tốn vốn là người tôn sùng đạo Phật. Ngài ở lại đây rất lâu, nhờ đó tinh thông Hán ngữ. Ngài dịch những kinh như Đại Bát-niết-bàn, Đại Tập... có đến hơn sáu trăm ngàn lời. Nhưng do số phẩm trong kinh Niết-bàn chưa đủ, nên ngài lại quay về Tây Vực để tìm. Sau khi tìm được, ngài qua lại nước Lương và dịch thành bốn mươi hai quyển với hơn mười ngàn bài kệ. Ngài vốn là người có rất nhiều việc thần dị. Hồi ấy Thát Bạt Khuê, Vương Trung Sơn nghe danh ngài mong muốn được gặp một lần để lễ lạy học hỏi, nên bèn sai sứ đi đón ngài về, nhưng Mông Tốn không chịu để ngài đi. Khuê lại sai Cao Bình Công Lý Thuận đem lễ vật thăm hỏi Tốn Lương Vương; lại ban cho Cừ tích (ngựa xe, cung tên, y phục) và ra chỉ dụ rằng: “Đàm-

vô-sấm là người có đức độ bao la, Trẫm nay mong được gặp ông ấy một lần, nên sai sứ đem xa giá đến đón”.

Tốn nói: Thần quên thân phụng sự triều đình, trước đây thì xin giữ Sấm lại, còn bây giờ đến lại muốn đuổi ông ấy đi. Ông ấy là thầy của thần, dù chết thân cũng không thể để ông ấy đi, mà ông ấy muốn đi cũng không thể được.

Thuận nói: Triều đình tôn kính ngài là người trung nghĩa nên đề cao ngài, ban những lễ vật đặc biệt. Nay ngài lại vì một đạo nhân mà làm tổn thương công lớn, không chịu nén giận trong một lúc lại phát ngôn những lời không nên phát ngôn ấy, đánh mất lòng tốt đấng ngọc của triều đình, tôi thiết nghĩ ngài không nên làm như vậy.

Tốn nói: Lời ông nói nghe thật hay đấy, nhưng e rằng tình cảm chẳng giúp gì được!

Tốn rút cuộc không để ngài đi, thế là Thát Bạt Khuê đành nuốt hận chịu thua.

Đạo Tiến là người theo cầu ngài truyền Bồ-tát giới, ngài bảo: Ông hãy tự sám hối trong bảy ngày. Sám hối chưa xong, Tiến đến gặp ngài, ngài bỗng nạt, Tiến thưa: Đó là túc chướng Tiến bèn tinh tấn tu tập suốt ba năm, trong giấc mộng cảm được Thích-ca Thế Tôn đến truyền trao giới pháp. Cũng trong đêm ấy có hơn mười người cùng mộng thấy như Đạo Tiến. Bảy giờ, Đạo Tiến lại đến đánh lễ ngài, từ xa thấy Tiến đến, ngài vô cùng hoan hỷ nói: Hay thay! Ông đã đắc giới rồi! Nay ta sẽ chứng minh cho ông. Sau đó ngài kiên quyết trở về Tây Vực, Tốn nghe liền nổi giận. Sau khi ngài đi, Tốn mặt sai tay chân thân tín của mình giết chết ngài dọc đường.

Trong ngày rời khỏi thành, ngài nói với người tiễn mình rằng: Nghiệp đến rồi! Dầu là bậc thượng Thánh cũng không thể tránh được, không phải ta thích chết mà là cố muốn đi xa để đừng ai nghe thấy!

Sau khi giết ngài không bao lâu, Mông Tốn chợt hồi tâm ăn năn sám hối. Ngày nọ, bỗng thấy con quỷ cầm kiếm đâm mình, Tốn chết, nước Lương bị Ngụy thôn tính.

Quý Sứ: Hạ đổi niên hiệu là Phượng Tường.

### **26. Pháp sư Đạo Sinh dựng đá làm đồ chúng:**

Pháp sư Đạo Sinh là người diệu ngộ sâu xa. Bảy giờ phần sau của kinh Niết-bàn chưa lưu truyền đến Trung Quốc, ngài đã đọc thuộc lòng, suy tự giây lâu rồi nói: “Nhất-xiển-đề sẽ thành Phật”. Do bộ kinh này chưa lưu hành đủ ở Trung Quốc, nên vào thời đó các học giả khác đều

công kích chủ trương của ngài cho là tà thuyết, chiếu theo Luật đuổi ngài đi. Ngài tác bạch chúng và thề rằng: Nếu những gì tôi nói không khế hợp nghĩa kinh thì nguyện thân này bị ác báo ngay trong hiện tiền, nếu quả thật khế hợp với tâm Phật thì nguyện rằng lúc tôi mất, thân tôi ngồi trên tòa Sư tử. Nói xong, ngài phất tay đi về phía Nam, vào trong núi Hổ Khâu dựng đá làm thính chúng nghe ngài giảng kinh Niết-bàn. Giảng đến đoạn Xiển-đề có Phật tánh, ngài hỏi: Những gì ta nói có khế hợp với tâm Phật không? Thính chúng bằng đá liền gật đầu tỏ vẻ đồng ý.

Về sau ngài vân du qua Khuông sơn, ở trong động Tiêu cảnh, nghe ngài Đàm-vô-sấm dịch lại kinh Niết-bàn, và phần sau của kinh được truyền đến Nam kinh, trong đó quả nhiên cũng nói Xiển-đề đều có Phật tánh. Ngài khôn xiết vui mừng bèn thề chết để phụng trì Phật pháp.

Giáp Dần: Ngụy đổi niên hiệu là Thần Thụy.

Bính Thìn, Đinh Ty: Hậu Tần, tên là Hoằng, con của Hưng lên ngôi được hai năm thì bị Lưu Dự nhà tấn giết chết. Ông thọ ba mươi tuổi, đổi niên hiệu là Vĩnh Hòa. Ngụy đổi niên hiệu là Thái Thường.

Mậu Ngọ: Tây Lương: Lý Hâm, trị vì được ba năm, đổi niên hiệu là Gia Hưng.

Kỷ Mùi: Hạ đổi niên hiệu là Xương Vũ, năm sau đổi niên hiệu là Chân Hưng.

### **27. Cung Đế:**

Tên là Đức Văn, ông lên ngôi đổi niên hiệu là Nguyên Hy. Ông là em cùng mẹ với An Đế. Vĩnh Sơ năm đầu, Lưu Dự sai anh của hoàng hậu là Thúc Độ vượt tường vào giết ông. Ông thọ ba mươi sáu tuổi, an táng ở Bái lăng, trị vì được hai năm. Nhà Tấn bị diệt vong. Trong năm này Lương Chí Công ra đời.

Tây Tấn đóng đô ở Lạc Dương, gồm bốn đời vua, trị vì được ba mươi bảy năm, nhưng có lẫn lộn bọn Ngũ Hồ trong đó.

Đông Tấn đóng đô ở Kiến Nghiệp, gồm mười hai đời vua, trị vì một trăm bốn mươi năm. Cuối cùng đất nước về tay nhà Tống.

Canh Thân: Tây Tần đổi niên hiệu là Kiến Hoằng.

Tây Lương: Quan Quân Tuân đổi niên hiệu là Vĩnh Kiến. Năm thứ hai, Hà Tây Vương đánh vào Đôn Hoàng, Tuân bèn tự vẫn, đất nước bị diệt vong.

### **28. Đời Bắc Ngụy, Thôi Hạo tiến cử Khấu Khiêm Chi:**

Bắc Ngụy, Thái Thường năm thứ năm, Quang Lộc Khanh Thôi Hạo bị dèm pha, vua bèn sai Hạo theo Công Quy Định nhân đó tu luyện thuật Phục Thực dưỡng tánh. Ban đầu đạo sĩ Khấu Khiêm Chi ở Tung sơn tu theo thuật của Trương Đạo Lăng và tự nói mình đã từng gặp Lão Tử giảng thế, vì vậy sai ông ta kế thừa thuật của Đạo Lăng và làm Thiên sư, truyền dạy cho ông thuật Tịch Cốc khinh thân, cùng Khoa giới gồm hai mươi quyển khiến ông làm trong sạch lại Đạo giáo. Lại gặp Thần nhân Lý Phả Văn và ông ấy tự xưng là Huyền Tôn của Lão Tử, Lão Tử trao cho ông ta Đồ Lục Chân Kinh hơn sáu mươi quyển và Phép Xuất Thiên Cung Tĩnh Luân. Khiêm Chi đem những sách ấy dâng lên Thái Vũ Đế. Trong triều cùng nhân dân phần nhiều không tin. Một mình Thôi Hạo tôn Khiêm Chi làm thầy và theo học pháp thuật. Hơn nữa Thượng thư lại khen ngợi việc ấy nên Thái Vũ Đế rất vui mừng, liền sai sứ đem châu ngọc, gấm lụa, muông sinh đến tế ở Tung nhạc đón Khiêm Chi về. Chi lập Thiên sư Đạo tràng tại phía Nam Bình Thành, trên ấy lại lập một cái đài gồm năm cấp. Đồ chúng của đạo giáo từ đó rất thịnh.

Tống Tư Mã Văn Chánh Công nói: Sách của Lão Trang mục đích là muốn con người khi sống cũng như lúc chết đều được nhẹ nhàng, vì thế mà những người làm thần tiên đều ăn cháo tu luyện để cầu được nhẹ nhàng, luyện cây đá thành vàng bạc. Đó là loại pháp thuật vô cùng trái nghịch sự thật. Do đó Lưu Hâm bảy lần nêu cao Đạo gia liệt ngang hàng với Chư tử, thần tiên chỉ là bọn đạo thuật nghề nghiệp. Sau đó lại xuất hiện thuật cấm chú của bọn phù thủy. Đến Khiêm Chi thì hợp lại thành một. Mãi đến nay thì chẳng còn thấy nữa, vì bọn họ láo khoét quá mức. Thôi Hạo không tin sách của Phật, Lão nhưng lại tin những lời của Khiêm Chi, thật đáng tiếc thay! Xưa Tang Văn Trọng tế tự con chim Viên Cư bị Khổng Tử cho là kẻ bất trí. Còn như Khiêm Chi nếu đem so với việc thờ con chim Viên Cư thì còn hơn thế nữa!

Ba trăm thiên kinh thi, dùng một câu để khái quát hết cả, thì đó chính là “tư tưởng không xằng bậy”. Người quân tử chọn lựa pháp thuật, lẽ đâu không cẩn thận sao!

### **29. Thiên sư Huyền Cao bị dèm pha:**

Thiên sư Huyền Cao ở tại núi Mạch Tích, ngài rất thân thiện với Sa-môn Đàm Hoằng. Khi nghe Tôn giả Đàm Vô Tỳ là người rất tinh thông thiên quán, từ Bắc sơn vào đất Lương, ngài liền đến để cầu học.

Chỉ trong mười ngày, ngài liền lãnh hội được. Vô Tỳ hết lời khen ngợi ngài, cho ngài là người có trí tuệ vượt xa hơn mình. Đến khi Vô Tỳ trở về Tây Vực, lúc đó có một Tỳ-kheo quý quyết, vì đố kỵ tài năng của ngài nên gièm pha với Hà Nam Vương Thế Tử Mạn rằng: Hiện nay Cao nhóm họp đồ chúng, ông ấy sẽ là mối hại cho đất nước.

Mạn tin lời của Tỳ-kheo kia nên muốn giết ngài, nhưng cha của Mạn không đồng ý. Mạn bèn đuổi ngài qua Hà Bắc, ngài ẩn cư trong núi Lâm Dương Đường. Núi này là nơi cư trú của Địa Tiên, đêm đêm thường có tiếng chuông tiếng khánh khua vang. Đệ tử của ngài có đến hơn trăm người, trong đó Huyền Thiệu là đệ tử xuất chúng và là người có thần lực. Có lần Thiệu lấy tay chỉ xuống đất, nơi ấy bỗng có nước phun ra, Thiệu lấy nước chu cấp cho chúng Tăng. Những người có thần lực như Huyền Thiệu có đến mười một người.

Bấy giờ Hà Nam Vương nghênh đón Đàm Hoàng vào triều, Hoàng liền hỏi vua vì sao đuổi Huyền Cao đi, ông ấy là bậc kỳ tài hiếm thấy trong thiên hạ. Vua nghe vậy liền dùng đại lễ đến đón ngài. Khi ngài sắp đi, cây cối trong núi bỗng nhiên gãy đổ ngổn ngang, đất đá bay tứ tung lấp cả đường xuống núi. Thấy thế ngài nói:

- Chí của ta là mở rộng đạo mầu, chứ giam mình trong hang núi này thì thật vô ích!

Nói xong bỗng thấy đường núi lại trống trải, ngài liền xuống núi. Vua ra tận vùng đất giao (biên giới) đón ngài và thờ làm thầy.

Sau đó ngài vân du đến đất Lương, Thư Cừ Mông Tốn đãi ngộ ngài vô cùng cần mẫn.

Đệ tử của ngài có người tên là Tăng Ấn tự nói mình đã chứng quả A-la-hán. Nghe vậy, ngài liền dùng thần lực khiến Tăng Ấn ở trong định thấy rõ vô tận thế giới khắp mười phương, lại làm cho Ấn nghe được pháp của chư Phật diễn thuyết, mỗi vị đều diễn nói khác nhau. Sau đó trong suốt mùa hạ, Ấn cố công tìm lại những gì mình đã thấy nhưng chẳng tìm được, từ đó Tăng Ấn hổ thẹn ăn năn sám hối.

Năm sau vua Ngụy sai sứ đến đón ngài vào Bình Thành. Bấy giờ Thái Bạt Đảo lên ngôi, ông này rất tôn kính ngài nên sai Thái Tử Hoãn thờ ngài làm thầy.

### **30. Tề trước tác bộ Ngụy Thư Phật Lão Chí:**

Trong Ngụy Thư Phật Lão Chí đại khái nói rằng: Học thuật của họ Thích vốn đã được nghe đến từ thời Tiên Hán, thời Vũ Đế, trong niên hiệu Nguyên Thú, Hoắc Khứ Bệnh bắt được Tỳ Da Vương và người

vàng dài hơn một trượng. Đế cho đó là đại thần, mới an trí ở cung Cam tuyền đốt hương lễ bái. Đó là thời kỳ đầu tiên mà Phật đạo lưu thông trong đất nước.

Đến khi mở mang bờ cõi tiếp giáp Tây Vực, vua sai Trương Khiên đi sứ đến Đại Hạ, lúc trở về ông ấy nói: Trong nước Thân Độc Thiên Trúc có giáo pháp của họ Thích.

Thời Ai Đế, trong niên hiệu Nguyên Thọ, Cảnh Hiến được quốc vương nước Đại Nguyệt Thị truyền miệng cho ông kinh của họ Thích.

Thời Hậu Hán, Minh Đế nằm mộng thấy người bằng vàng, trên cổ phát ra ánh sáng, người ấy bay trong sân điện. Khi ấy Phó Nghị đem chuyện Phật nói cho vua nghe. Vua liền sai Trung lang tướng Thái Âm... đi sứ Thiên Trúc, chép lại những phép tắc mà họ Thích để lại, rồi cùng với Sa-môn Ca-diếp Ma-đăng và Trúc Pháp Lan trở về Lạc Dương. Bấy giờ trong nước có kinh Từ Thập Nhị Chương và pho tượng đứng của Phật Thích-ca. Vua bèn sai thợ vẽ, vẽ lại pho tượng này rồi an trí ở Thanh Lương đài và Hiến Tiết lăng, còn kinh thì an trí trong Lan đài thạch thất.

Chữ Phù Đồ hay Phật-đà, hai âm này na ná nhau, Hán dịch là Tịnh Giác, ý nói người này diệt trừ hết cấu uế, khai sáng đạo mầu, là bậc Thánh thấu hiểu triệt đế.

Ý chỉ của kinh Phật đại để nói rằng: Tất cả chúng sinh đều do hành nghiệp mà có thân, có ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, thân thức thường hằng bất diệt, làm lành làm ác đều có báo ứng. Tích chứa nhiều nghiệp lành, tẩy trừ mọi thói xấu, trải qua vô số thân hình để tôi luyện cho tâm thần được sáng suốt, cho đến khi vô sinh thì thành tựu Phật đạo. Trong quá trình tu tập, thứ lớp của tâm hành có cao có thấp đi từ duyên cạn cho đến duyên sâu, từ cái nhỏ nhặt mà thành cái to lớn, muốn thành tựu thì phải tích chứa nhân đức hiểu nghĩa, xả bỏ mọi thứ ham muốn, sống trong cảnh rộng rang vắng lặng thì tự tâm bừng sáng. Thế nên người tu tâm trước tiên phải nương tựa Phật, Pháp, Tăng, đó gọi là Tam quy, cũng giống như Tam úy của người quân tử. Lại có ngũ giới là không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Đại khái cũng giống như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Người vâng giữ ngũ giới sẽ được sinh vào xứ sở tốt đẹp trong cõi trời, cõi người, kẻ phạm giới sẽ phải đọa trong các đường khổ như súc sinh, ngạ quỷ. Lại nữa có sáu con đường để thiện ác thác sinh.

Cách ăn mặc của đạo Phật, thì người này phải cạo bỏ râu tóc, buông bỏ mọi ràng buộc, từ bỏ gia đình, kết thầy trò với nhau, sống

đúng giới Luật, phải sống hòa thuận với nhau, phải rửa lòng tu tịnh, xin ăn để nuôi sống bản thân. Những người như thế được gọi là Sa-môn, hay Tăng môn. Hai âm này cũng na ná giống nhau. Căn nghiệp của mỗi người đều sai biệt, từ đó có Tam thừa, là Thanh văn, Duyên giác và Đại thừa. Do tiếp nhận giáo lý mà mình nương theo cao hay thấp để tiến đến đạo nên gọi là Tam thừa. Người thượng căn thì tu Lục độ thi thiết muôn hạnh, giáo hóa muôn người để làm cho mối đạo tồn tại lâu dài, bước lên được cảnh giới giác ngộ thì được gọi là Phật. Phật vốn có hiệu là Thích-ca Văn, Hán dịch là Năng Nhân, có nghĩa là đức viên đạo mãn, cứu độ muôn loài. Ngài giáng sinh làm Thái Tử con quốc vương Ca-tỳ-la-vệ ở Thiên Trúc, ngài sinh từ hông bên phải của hoàng hậu vào đêm mồng tám tháng tư. Tướng mạo có ba mươi hai tướng tốt siêu xuất dị kỳ. Khi sinh, trời xuất hiện ba mươi hai điềm lành tương ứng. Ngài nhập Niết-bàn vào ngày mười lăm tháng hai. Niết-bàn, Hán dịch là Diệt độ, hoặc cũng như nói Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là người đã sáng suốt không còn thọ thân trong đời sau, không còn bị các thứ khổ trôi buộc.

Lại nữa, chư Phật có hai nghĩa:

1. Chân thật: Thân thể mầu nhiệm vĩnh viễn chấm dứt mọi câu thúc ràng buộc, không thể dựa trên nơi an trú hiện tại mà định đoạt, không thể dựa trên thân hình tái sinh mà hạn lượng, người có cảm tất có ứng với chân thể thường hằng vắng lặng này.

2. Quyền ứng: Nghĩa là hòa quang cùng Lục đạo, đồng trần với muôn loài, sống chết tùy thời, dài ngắn tương ứng với chúng sinh. Hình hài do chiêu cảm mà sinh, thân thể thì chẳng phải thật có. Thân hình quyền hiện tuy chết nhưng chân thể vốn bất biến. Chỉ là do chúng ta không có sự cảm ứng mầu nhiệm nên không thể thường thấy chân thể ấy. Đó chứng tỏ là Phật có sinh nhưng không phải thật sinh, có diệt nhưng không phải thật diệt.

Sau khi Phật Niết-bàn, đồ chúng dùng gỗ thơm thiêu thân ngài, xương cốt phân thành vô số hạt lớn nhỏ như hạt gạo, đập chẳng nát, đốt chẳng cháy, mà lại có ánh sáng rất thần diệu, đó gọi là xá-lợi. Đệ tử ngài thâu lấy xá-lợi ấy phụng thờ, đốt hương, dâng hoa cúng dường, dựng cung cao chót vót để thờ, đó gọi là tháp, cũng như tông miếu vậy, nên thời ấy gọi là tháp miếu chính là thế.

Một trăm năm sau vua A-dục dùng thần lực phân xá-lợi của Phật, sai quỷ thần dựng tám mươi bốn ngàn tháp, an trí khắp thế giới chỉ trong vòng một ngày. Hiện nay ở Lạc Dương, Bành Thành, Cô Tang, Lâm Truy đều có chùa Dục vương, đó là do thừa hưởng di tích của vua A-

dục. Còn tượng móng tay và răng của Phật được lưu giữ ở Thiên Trúc. Những người qua lại nước này đều nhìn thấy.

Ban đầu Phật chỉ thuyết pháp, về sau mới có ghi chép. Những dấu mốc, những đạo lý thâm sâu không thiếu sót điều gì. Thế nên Tam tạng và mười hai bộ kinh cũng mang rất nhiều sắc thái đặc trưng riêng biệt như chính phái của Đạo gia. Điểm kết quy của những đặc trưng đó đều lấy Tam thừa làm nền tảng. Về sau có các bậc La-hán, Bồ-tát nối nhau tạo luận, ngợi khen, làm sáng tỏ nghĩa kinh để phá dẹp ngoại đạo. Những bộ luận ấy dựa vào nghĩa lý cốt yếu của các bộ kinh tạng mà viết ra, giả lập những câu hỏi của ngoại đạo rồi dùng Phật pháp để giải thích. Những bộ Kinh Luận ấy lần lượt được truyền vào Trung Quốc, tính đến nay đã lưu hành rất rộng rãi.

Đầu đời Hán, Sa-môn đều mặc vải màu đỏ, về sau mới thay thế bằng các thứ vải tạp sắc.

**Luận rằng:** Thời Đường Thái Tông đã chỉnh sửa thư tịch đời Tấn, lại có người khuyên nên chỉnh sửa thư sử của bảy nước thời Nam Bắc triều. Thái Tông cho rằng thư tịch thời Nguyên, Ngụy rất rõ ràng chính xác, nên đặc biệt không sửa, đến nay xem lại thì quả đúng như thế.

Phàm điển giáo của Phật giáo, Lão giáo đối với chín phái của Nho gia thì họ thường cho là ngoại học, có khi cũng muốn gồm thâu thành một trong những phái của Nho gia. Nếu chẳng phải là người có trí tuệ siêu việt được huân tập từ đời trước, thì đời nay, vì nguyện lực mà tái lai không bao giờ có thể lần tìm được chút manh mối, huống gì là người thông đạt được chỉ thú thuật lại cội nguồn!

Phi thường thay! Ngụy Thư Phật Lão Chí! Như ngựa không cương mà vẫn chạy đúng giữa những vết đường khúc khuỷu, như xe không cờ mà vẫn băng ngang những tường lũy rêu xanh, ngựa xe thông dong nhìn thật sướng mắt! Thế nhưng Ngụy thư nêu cả ba Thánh nhân nhưng khó chuyển tải hết học thuật của họ, hòa đồng cùng bốn tác giả nhưng chưa thể hòa đồng tư tưởng của họ. Bộ sách này đặc biệt được hậu thế tin cậy, như thế chẳng phải tốt lắm rồi sao!